

ỦY BAN CHỐNG KHOẢN NHA NƯỚC CHO PHÉP NIÊM YẾT CHỐNG KHOẢN
CHẾ CỘNG HÓA LAO VIỆC NIÊM YẾT CHỐNG KHOẢN NĂM NĂM ỜNG CÁC QUY
NINH CỦA PHÁP LUẬT MÀ KHÔNG HẠM YẾU NẢM BẢO GIẢ TRÒ CỦA CHỐNG
KHOẢN. MỌI TUYẾN BÁO TRẢ VỚI NIỆM NAY LA BẮT HỘ PHÁP.

BAŢN CÀO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH KẼO BIÊN HOÀ (BIBICA)

(Thành lập năm 1998 theo Quyết định số 234/1998 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
ban hành ngày 01 tháng 12 năm 1998)

CÔNG PHIEU NANG KYU LAI NEN NIEM YET

(Giấy phép phát hành số..... do UBCKNN cấp ngày tháng năm)

I. Tổ chức tổ vấn niêm yết

Công ty Chống khoản Sài Gòn (SSI)

Nhà ch: 12 Nam Kyu Khôi Nghóa, quận 1, TPHCM

Niên thoai: 84.8.8218567

Fax: 84.8.8294123

Ban cap bach nay se n o o c cung cap tai

▪ Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hoà

Nhà ch: Khu Công Nghiệp Biên Hoà I, Nông Nai

NT: 84.61.836576 – 84.61.836240 – 84.61.836343

Fax: 84.61.836950

▪ Chi nhánh Thanh phố Hoà Chí Minh

Nhà ch: 64-66 Tôn Thất Tung, quận 1, TPHCM

NT: 84.8.8398202

▪ Chi nhánh Nao Nang

Nhà ch: 267 Nóng Na, phường Thạch Thang, Nao Nang

NT: 84.511.886161

▪ Chi nhánh Cần Thơ

Nhà ch: 176 Trần Hồng Nao, phường An Nghiệp, Cần Thơ

NT: 84.71.830584

▪ Chi nhánh Ha Noi

Nhà ch: 87 Bis Lính Nam, quận Hai Ba Trưng, Ha Noi

NT: 84.4.8629443

▪ Công ty Chống khoản Sài Gòn (SSI)

Nhà ch: 12 Nam Kyu Khôi Nghóa, quận 1, TPHCM

NT: 84.8.8218567

Phui traih cong boi thong tin

Ông Vuó Duy Hung

NT: 0903730485

Choi vui: Ke toan tro o ng Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hoà

Tháng 10 năm 2001

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH KÈO BIÊN HOÀ (BIBICA)

(Thành lập năm 1998 theo Quyết định số 234/1998 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
ban hành ngày 01 tháng 12 năm 1998)

COẶPHIEU ẶANG KYULAI ẶEẶNIEM YEẶ

Ten coẶphieu: CoẶphieu Công ty Cổ phần Bánh Kèo Biên Hoà
Mệnh giá: 10.000 đồng
Tổng số lượng phát hành: 5.600.000 coẶphieu
Tổng giá trị phát hành: 56.000.000.000 đồng

TOẶCHẶC KIEM TOẶN:

Ten: Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
Địa chỉ: 9A Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 84.4.8522104 Fax: 84.4.8524119

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phòng 1104-1105, Tầng 11, Trung Tâm Thương Mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84.8.9100751 Fax: 84.8.9100750

TOẶCHẶC TẶO VẶN:

Ten: Công ty Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
Địa chỉ: 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84.8.8218567 Fax: 84.8.8294123

MỤC LỤC

I.	CAM KẾT CỦA CÁC CÁN BỘ CHỨC TRÁCH NHIỆM NỘI VỚI NỘI DUNG BAN CÁO BẠCH	4
1.	Toàchức phát hành.....	4
2.	Toàchức tổ vận	4
II.	TỔM TẮT VỀTOÀCHỨC PHÁT HÀNH VÀCHỖNG KHOẢN PHÁT HÀNH.....	4
1.	Giới thiệu vềtoàchức phát hành	4
2.	Thờtrông.....	6
3.	Chiến lược kinh doanh	6
4.	Kết quảhoạt ñộng kinh doanh.....	7
5.	Chỗng khoản xin ñăng kýniệm yet	7
III.	CÁC NHẬN TOÀRUI RO TÁC ÑỘNG ÑEN GIAICÁCCHỖNG KHOẢN PHÁT HÀNH	7
1.	Rui ro vềkinh tế.....	7
2.	Rui ro vềpháp luật.....	8
3.	Rui ro vềtygiải.....	8
4.	Rui ro vềñàutổ.....	9
5.	Các rui ro khác	10
IV.	CÁC KHAI NIỆM.....	10
V.	CHỖNG KHOẢN ÑĂNG KÝNIỆM YET.....	10
1.	Loại chỗng khoản	10
2.	Meñh giải.....	10
3.	Toàng sốchỗng khoản ñoikieñ ñăng kýniệm yet.....	11
4.	Giãidoikieñ niệmyet.....	11
5.	Phỏng pháp tính giã.....	11
6.	Giỏihạn vềtyleisỏihỏu ñoivỏitoàchức cãnhãnh ñoic ngoãi.....	11
7.	Cỏ cấu sốihỏu cỏphãnh trong Cỏng ty.....	11
8.	Các loãitruệaliệñ quan	12
VI.	CÁC NỘI TÁC LIÊN QUAN ÑEN NỘT PHÁT HÀNH.....	12
1.	Toàchức kiểm toãñ	12
2.	Toàchức tổ vận	12
VII.	TÌNH HÌNH VÀÑẶC NIỆM CỦA TOÀCHỨC PHÁT HÀNH.....	13
1.	Tỏm tắt quãtrình hình thãnh vàphãt triệñ.....	13
2.	Cỏ cấu toàchức Cỏng ty.....	15
3.	Cỏ cấu toàchức boãmay củã Cỏng ty	15
4.	Dãnh sãch cỏñỏng ñãnh giỏitỏtreñ 5% vỏĩn cỏphãnh củã Cỏng ty	19
5.	Hoãt ñỏng kinh doanh	19
6.	Bãibỏ cỏ kết quãhoãt ñỏng kinh doanh	32
7.	Chĩnh sãch ñoivỏĩn ngỏoĩ lao ñỏng	36
8.	Tình hình hoãt ñỏng tãĩ chĩnh	37
9.	Dãnh sãch Hỏĩ Ñỏng Quãñ Trỏ, Bãn Giãñ ñoic vàBãn Kĩẽm soãt	37
10.	Tãĩ sãñ	44
11.	Kẻãhoãch lỏĩ nhũãñ vàcỏtỏc	44
12.	Chiến lược sãñ xuãt kinh doanh ñãñ ñãĩ hãñ củã Cỏng ty.....	46
13.	Các thỏng tin, cãĩ trãnh chãp kiệñ tũng liệñ quan ñẽñ Cỏng ty cỏithẻãnh hỏõng ñẽñ giãicãĩchỗng khoãñ phãt hãnh.....	48
VIII.	PHỤ LỤC	48

Công ty này sản xuất đồng nước một máng lõi phân phối rộng khắp trong cả nước với hơn 100 nhà phân phối.

Dưới đây là các thông tin chính về Công ty:

Tên gọi Công ty:	Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa
Tên viết tắt:	BIBICA
Tên giao dịch nội ngoại:	Biên Hòa Confectionery Corporation
Tên viết tắt:	BIBICA
Nhà chế:	Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, Nông Nại
Niên thoai:	84.61.836576 - 84.61.836240
Số Fax:	84.61.836950
Nhà chế E-mail:	bibica@hcm.vnn.vn
Web-site	www.bibica.com
Giấy phép thành lập số	234/1998/QN-TTg của Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 01 tháng 12 năm 1998.
Giấy phép năng kỹ kinh doanh số	059167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nông Nại cấp ngày 16 tháng 01 năm 1999
Mã số thuế	3600363970
Vốn điều lệ	56.000.000.000 (Năm môi sáu tỷ) đồng Việt Nam
Tài khoản Việt Nam nông số	710A.00305 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh Khu Công Nghiệp Biên Hòa. 0.12.100.000098.5 tại Ngân hàng Ngoại Thông chi nhánh Nông Nại.
Tài khoản ngoại te số	710S.00305 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh Khu Công Nghiệp Biên Hòa. 0.12.700.000098.5 tại Ngân hàng Ngoại Thông chi nhánh Nông Nại.

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nước cấp phép gồm:
 - Sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước trên các lĩnh vực về công nghiệp chế biến bánh - kẹo - nha.
 - Xuất khẩu các sản phẩm bánh - kẹo - nha và các loại hàng hóa khác.
 - Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của Công ty.
- Tình hình lao động hiện nay của Công ty:
Tổng số cán bộ công nhân viên: 1.070 người
Trong nội

Bảng 1: CÔ CẤU LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Đại học	Cao đẳng	Công nhân kỹ thuật	Lao động phổ thông	Tổng
<i>Phân theo căn bản quản lý/nhân viên</i>					
Căn bản quản lý	33	2	-	-	35
Nhân viên	107	178	138	612	1.035
<i>Phân theo trực tiếp/gián tiếp</i>					
Lao động trực tiếp	18	109	138	605	870
Lao động gián tiếp	122	71	-	7	200
Tổng	140	180	138	612	1.070

2. Thù trừ

Cùng giống như các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, nước giải khát... ngành công nghiệp chế biến bánh kẹo Việt Nam đã có một quá trình phát triển lâu dài. Từ việc sản xuất các sản phẩm bánh kẹo truyền thống bằng thủ công, đến nay các nước đã có khoảng 30 năm và sản xuất bánh kẹo công nghiệp có quy mô lớn, nước trang bị công nghệ hiện đại có thể sản xuất nước các sản phẩm có chất lượng cao tương đồng với các sản phẩm bánh, kẹo của các nước trong khu vực.

Tổng giá trị thù trừ bánh kẹo Việt Nam hiện nay khoảng 3.800 tỷ đồng, trong đó các nước và trong nước chiếm 70% thù trừ, 30% thù trừ còn lại nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Hồng Kông và Malaysia... Công ty Bibica hiện chiếm khoảng 7% - 8% thù trừ bánh kẹo nước.

Tốc độ tăng trưởng của ngành trung bình từ 7% - 8% năm. Với tốc độ tăng trưởng của ngành bánh kẹo thì tổng giá trị thù trừ bánh kẹo Việt Nam ước tính khoảng 5.300 tỷ đồng vào năm 2005.

3. Chiến lược kinh doanh

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là tiếp tục phát triển và duy trì tại Công ty hàng đầu trong lĩnh vực bánh, kẹo và nhà tại Việt Nam. Nếu đạt được mục tiêu này Công ty chủ trương:

- Duy trì và tăng nhanh doanh thu của Công ty.
- Nâng cao chất lượng và uy tín cho mỗi hoạt động của Công ty.
- Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	1999	2000	6 tháng đầu năm 2001
1	Tổng giá trị tài sản	83.370,12	107.174,58	106.885,25
2	Doanh thu thuần	236.286,51	187.261,15	78.470,10
3	Lợi nhuận trước thuế	8.763,75	9.545,06	1.985,63
4	Lợi nhuận sau thuế	8.763,75	9.545,06	1.747,66
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	6,24%	75,46%	

Tổng giá trị tài sản năm 2000 tăng 28,55% so với năm 1999. Tổng giá trị tài sản 6 tháng đầu năm 2001 giảm 0,27% so với cuối năm 2000.

Doanh thu thuần năm 2000 là 187,26 tỷ đồng, giảm 20,75% so với năm 1999. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2001 là 78,47 tỷ đồng, đạt 41,9% so với doanh thu thuần cả năm 2000.

Lợi nhuận sau thuế năm 2000 đạt 9,5 tỷ đồng, tăng 8,92% so với lợi nhuận sau thuế trong năm 1999 là 8,8 tỷ. Lợi nhuận sau thuế của sáu tháng đầu năm 2001 là 1,75 tỷ đồng, bằng 27,7% so với kế hoạch năm 2001.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế năm 1999 là 6,24% do Công ty giữ lại lợi nhuận để tiếp tục đầu tư, tỷ lệ lợi nhuận chi trước thuế năm 2000 là 75,46%.

5. Chờng khoản xin nâng kỳ niêm yết

- Số vốn chờng khoản: 5.600.000 cổ phần.
- Mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam cho mỗi cổ phiếu.
- Hình thức phát hành: Doanh nghiệp nhận vốn chờng khoản theo quyết định số 234/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 01 tháng 12 năm 1998.
- Đối kiện chờng khoản với cổ phiếu: 12%/năm.

IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO TÀI CHÍNH NÊN GIẢI CẢM CHỜNG KHOẢN PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế ngành công nghiệp sản xuất bình kẹo chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế của quốc gia. Kinh tế phát triển, làm phát và thụt

ngành nông nghiệp kiểm soát, thu nhập của người dân tăng, mức tiêu thụ bánh kẹo cũng tăng theo. Ngược lại, thu nhập của người dân giảm sẽ dẫn tới khả năng chi tiêu của người dân giảm. Bánh kẹo không phải là nhu yếu phẩm, không phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người, và cũng có rất nhiều những sản phẩm khác nếu sử dụng thay thế do nguồn mua của người dân giảm sẽ tác động làm sụt giảm doanh thu của Công ty.

Khi Việt Nam gia nhập AFTA trong tương lai, thuế suất thuế nhập khẩu các sản phẩm bánh kẹo sẽ giảm xuống. Giá bán các sản phẩm này do đó có thể giảm tranh hơn, vì vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về pháp luật

Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, vì vậy những thông tố, nghị định, quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm hay về việc ghi nhãn lên bao bì sản phẩm khi thay đổi có thể tạo ra một số chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty như: đổi mới nâng cấp công nghệ nhà máy thêm, thay đổi bao bì, mẫu mã... nhằm đáp ứng các thay đổi trong các quy định này.

Nguyên vật liệu nhập khẩu và nông nghiệp nguyên liệu chiếm khoảng 20% giá thành các sản phẩm của Công ty. Do vậy, những thay đổi trong các thông tố, nghị định liên quan đến nhập khẩu sẽ tác động trực tiếp đến giá nguyên vật liệu này vào. Thêm vào đó các chính sách bảo hộ của Chính phủ với ngành nông nghiệp cũng có thể làm thị trường nông nghiệp trong nước biến động. Những thay đổi này dẫn đến chi phí này vào không ổn định, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhà quản lý các cán bộ trong Ban điều hành của công ty nếu thường xuyên làm việc trong các doanh nghiệp thuộc ngành mĩ nghệ nên có nhiều kinh nghiệm trong việc đổi mới với diễn biến giá nông nghiệp nguyên liệu, có thể hạn chế bớt tác động của giá nông nghiệp đến giá thành của sản phẩm.

Biên cảnh nội địa thay đổi trong các quy định về thuế nhập khẩu bánh kẹo, thuế trừ giá gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, khi có phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam thì việc thay đổi những quy định liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng tạo ra tác động không nhỏ đến giá chứng khoán của Công ty.

3. Rủi ro về tỷ giá

Trong những năm gần đây chính phủ Việt Nam đã có nhiều biện pháp nhằm không cho số mặt giá của nông sản tăng. Tuy nhiên do các tác động của các nền kinh tế bên ngoài cũng như trong nội tại nền kinh tế dẫn tới nông sản tăng giá so với các nước khác, đặc biệt là so với nông sản USD. Trong khi nội hàng năm Công ty phải nhập khẩu một số nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất như bột mì, hồ tinh bột, bột sắn... Do vậy, khi tỷ giá biến động theo chi phí nhập vào thay đổi, các nông sản kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, hiện nay một số nguyên liệu làm bánh kẹo như sản xuất nội địa trong nước, nên nếu tỷ giá USD tăng cao thì công ty có thể xem xét lại về tỷ lệ nhập khẩu và mua trong nước.

Do nhu cầu môi trường quy mô sản xuất cũng như môi trường cạnh tranh ngày càng đòi hỏi ngay một cao của khách hàng, hiện nay cũng như trong hai năm tới Công ty phải nhập khẩu một số máy móc thiết bị và trò chơi khoảng trên 100 tỷ đồng. Trong khi đó nguồn thu của Công ty phần lớn là đồng Việt Nam. Biến động tỷ giá hối đoái sẽ dẫn tới chi phí nhập sẽ tính theo đồng Việt Nam thay đổi. Nếu giảm thiểu rủi ro này, khi chuẩn bị đầu tư một dự án lớn thì công ty luôn có biện pháp đối phó như tránh biến động tỷ giá đồng USD nhờ vay dài hạn bằng đồng Việt Nam, mua USD đổi trả...

4. Rủi ro về đầu tư

Nhà đầu tư với các sản phẩm môi trường sản xuất trên đây chuyên sản xuất hiện tại Công ty có thể sản xuất thông qua trước khi đưa ra thị trường và có thể sản xuất ô nhiễm công suất không nhỏ mong muốn nếu sản phẩm không được tiêu thụ. Những rủi ro với các sản phẩm môi trường kế hoạch sản xuất, Công ty phải đầu tư đầy đủ chuyên sản xuất môi trường. Một số chấp nhận và một số tiêu thụ của thị trường nhà đầu tư với các sản phẩm này không thể tính toán chính xác được. Vì vậy, Công ty phải đối diện với rủi ro sản phẩm môi trường không tiêu thụ kế hoạch đặt ra, thời gian thu hồi vốn đầu tư có thể kéo dài hơn dự kiến. Tuy nhiên, các sản phẩm môi trường mà công ty dự kiến đầu tư đã phân tích và những sản phẩm hiện tại trên thị trường bánh kẹo Việt Nam thông qua con đường nhập khẩu với giá bán cao, nên nếu người tiêu dùng Việt Nam biết đến và chấp nhận hàng nội địa, Công ty sẽ nâng cao hơn mức tiêu chuẩn cạnh tranh bằng giá với những sản phẩm này.

Ngoài ra, khi một kế hoạch đầu tư được triển khai, có thể sẽ xuất hiện một số chi phí phát sinh ngoài dự kiến, dẫn đến chi phí đầu tư tăng, kéo dài thời gian thu hồi vốn.

Một rủi ro khác Công ty có thể gặp phải là trước các kỹ thuật khi đầy đủ chuyên sản xuất môi trường đưa vào vận hành. Trước các kỹ thuật có thể do lỗi của thiết bị, cũng có thể do lỗi trong khâu vận hành, nhiều khi. Nhận thức được điều này, nên có các thiết bị mà công ty đầu tư nên được sản xuất từ các nước Tây Âu, có trình độ khoa

học kỹ thuật phát triển và kèm theo việc nhập thiết bị thì công ty mua thêm dịch vụ "Huấn luyện kỹ thuật vận hành và chuyển giao công nghệ".

5. Các rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhỏ:

- Thiên tai: hạn hán hay lũ lụt sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của người dân cũng nhờ việc vận chuyển và bảo quản sản phẩm. Nếu phòng ngừa các rủi ro loại này Công ty mua bảo hiểm cho toàn bộ hàng hóa và tài sản của Công ty.
- Dịch bệnh: nguyên vật liệu sẽ sản xuất bệnh kéo dài nguồn gốc từ các loại nông sản, giá cả sẽ do vậy nếu dịch bệnh xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tai nạn trong lao động
- Nhân viên bán hàng chuyển sang làm việc cho các đối thủ cạnh tranh: dẫn tới mất lòng tin của khách hàng và nhân viên nội bộ quản lý có thể bỏ đối thủ cạnh tranh thông tin và tiếp cận.
- Rủi ro do xu hướng xã hội thay đổi: khi xã hội ngày càng phát triển, người dân bắt đầu quan tâm hơn đến sức khỏe, quan tâm hơn đến chế độ dinh dưỡng, vì vậy nhu cầu tiêu dùng bánh kẹo có thể phát triển nhanh hơn. Đây cũng là một vấn đề mà Công ty cần quan tâm.

V. CÁC KHAI NIỆM

- Nghị định 48/CP: Nghị định số 48/1998/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/07/1998 về Chồng khoán và Thù trồng Chồng khoán.
- Công ty: Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa (Bibica).
- Công ty phát hành: Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa (Bibica).

VI. CHỒNG KHOẢN NÂNG KỶ NIỆM YEÁT

1. Loại chồng khoán

Toàn bộ chồng khoán xin nâng kỷ niệm yet là có phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/có phiếu

3. Tổng số chứng khoán do kiểm năng kỳ niêm yết
5.600.000 chứng khoán, tổng số 56.000.000.000 đồng (Năm mỗi sáu tỷ đồng).

Trong đó:

- Vốn tiền lãi khi thành lập: 25.000.000.000 đồng
- Tháng 3/2001, Công ty nâng vốn tiền lãi lên 35.000.000.000 đồng từ vốn tích lũy
- Tháng 7/2001, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá là 21 tỷ đồng, nâng vốn tiền lãi của Công ty lên 56.000.000.000 đồng.

4. Giá do kiểm niêm yết
14.228 đồng/ cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ).

5. Phương pháp tính giá

Theo báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2001 của Công ty và được Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) soát xét (trang 17):

- Nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm 31/7/2001 là 79.677.344.513 đồng
- Tổng số cổ phần là 5.600.000 cổ phần

Giá trị số sách của cổ phiếu tính theo nguồn vốn kinh doanh là

$$\text{Giá số sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn kinh doanh } 79.677.344.513}{\text{Tổng số cổ phần } 5.600.000 \text{ CP}} = \text{-----} = \text{-----} = \mathbf{14.228 \text{ đ}}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ sở hữu nội với tổ chức cá nhân nước ngoài
Không vượt quá 20% tổng vốn tiền lãi Công ty.

7. Cơ cấu sở hữu cổ phần trong Công ty
(tính đến ngày 10/9/01)

Bảng 3: CƠ CẤU SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục	Phần vốn	Tỷ lệ
1	Cổ đông nhà nước	1.980,9	3,54%
2	Cổ đông là CBCNV của Công ty	17.153,8	30,63%
3	Cổ đông ngoài Công ty	33.523,9	59,86%
4	Cổ phiếu quỹ của Công ty	3.341,4	5,97%

Số vốn ngoại công ty tính đến ngày 10/9/2001 là 360 người, số vốn 59,86% tổng số vốn của Công ty.

8. Các loại thuế liên quan

- Thuế VAT.
- Thuế xuất nhập khẩu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các loại thuế khác.

Theo thông tư số 74/2000/TT-BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ Tài Chính, nói với tổ chức niêm yết sẽ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm liên tiếp ngoài việc được giảm thuế ưu đãi khác theo quy định trong Luật Doanh Nghiệp.

Do vậy, sau khi niêm yết công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong năm 2001, 100% năm 2002 và 50% năm 2003.

Ngoài ra, khi nhà tổ vào các đơn sản xuất các sản phẩm môi và xây dựng nhà máy môi thì công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi nhà tổ theo Luật khuyến khích nhà tổ trong nước.

VII. CÁC NỘI TÀI LIÊN QUAN NÊN NỘT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức kiểm toán

- Tên : Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
- Địa chỉ : 9A Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Năm hoạt động : 84.4.8522104 Fax: 84.4.8524119

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : Phòng 1104-1105, lầu 11, Trung tâm Thông mại Sài Gòn 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Năm hoạt động : 84.8.9100751 Fax: 84.8.9100750

2. Tổ chức tư vấn

- Tên : Công ty Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
- Địa chỉ : 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm hoạt động : 84.8.8218567 Fax: 84.8.8294123

- Nấu tò môi đầy chuyên sản xuất kẹo dẻo theo công nghệ hiện đại của Úc với năng suất 2 tấn/ngày.
- Nấu tò môi riêng năng suất phần xốp kẹo cứng lên đến 16 tấn/ngày.
- Ngày 01/12/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 234/1998/QN-TTg, phê duyệt phòng an công nhân và chuyển ba phần xốp bánh, kẹo vanha của Công ty Nông Sản Hoa Tươi một bộ phận của doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Công nhân Bánh Kẹo Biên Hòa.
- Ngày 09/01/1999, hội đồng của Công ty Công nhân Bánh kẹo Biên Hòa đã đi tiên hành, thông qua “Nhiệm vụ và chương trình” của Công ty Công nhân Bánh Kẹo Biên Hòa, bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát của Công ty.
- Ngày 16/01/1999, Sở Kế hoạch và Nấu tò tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy phép năng suất kinh doanh số 059167 cho Công ty Công nhân Bánh Kẹo Biên Hòa.
- Năm 1999:
 - Nấu tò môi riêng phần xốp kẹo mềm năng suất lên đến 11 tấn/ngày.
 - Nấu tò môi đầy chuyên sản xuất thùng carton và đầy chuyên sản xuất khay nhựa, nhằm chủ động cung cấp một phần bao bì cho sản xuất bánh kẹo.
- Năm 2000:
 - Tháng 02/2000 Công ty Bibica đã vinh dự là công ty bánh kẹo đầu tiên của Việt Nam chính thức nhận giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9002 của tổ chức BVQI – Anh Quốc.
 - Nấu tò môi đầy chuyên sản xuất snack với công suất 2 tấn/ngày.
- Tháng 3/2001, hội đồng nhất trí **tặng vốn nhiều lần từ 25 triệu đồng lên 35 triệu đồng** từ vốn tích lũy nội bộ sau hơn 02 năm hoạt động đổi pháp nhân công ty cổ phần.
- Tháng 7/2001, Công ty **gọi thêm vốn cổ đông, nâng vốn nhiều lần của Công ty lên 56 triệu đồng** để chủ động nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh, tạo thêm sức mạnh về tài chính, nâng thời hạn ứng nhu cầu vốn nấu tò cho việc đổi mới công nghệ nhà máy hiện có như nấu tò thiết bị đầy chuyên bánh layer cake, đầy chuyên socola la, thiết bị sản xuất bánh Trung thu và bánh cookies nhân, thiết bị nướng gói bánh, ... với tổng nấu tò là 40,8 triệu đồng và nấu tò xây dựng thêm một nhà máy ở Hậu Nghĩa với tổng nấu tò trị giá 13,3 triệu đồng (*chi tiết kế hoạch nấu tò nội bộ trình bày tại mục 12 phần VII*).
- Những thành tích đạt được trong các năm qua:
 - Bằng khen của Bộ Tài Chính, UBND tỉnh Đồng Nai về việc nộp ngân sách cho nhà nước.
 - Năm (05) năm liên tiếp ngoài tiêu dung bình chọn “Hang Việt Nam chất lượng cao”.
 - Giấy chứng nhận ISO 9002 do tổ chức BVQI-Việt Nam Anh cấp.
 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho gia đình Công ty.

- Tình hình lao động hiện nay của Công ty:
Tổng số cán bộ công nhân viên: 1.070 người

Bảng 4: CÔ CAU LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Nội học	Cao nhất	Công nhân kỹ thuật	Lao động phổ thông	Tổng
<i>Phân theo cán bộ quản lý/nhân viên</i>					
Cán bộ quản lý	33	2	-	-	35
Nhân viên	107	178	138	612	1035
<i>Phân theo trực tiếp/gián tiếp</i>					
Lao động trực tiếp	18	109	138	605	870
Lao động gián tiếp	122	71	-	7	200
Tổng	140	180	138	612	1070

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH KÈO BIÊN HOÀI (BIBICA)

Nhà máy: Khu Công nghiệp Biên Hoà I, Nông Nại

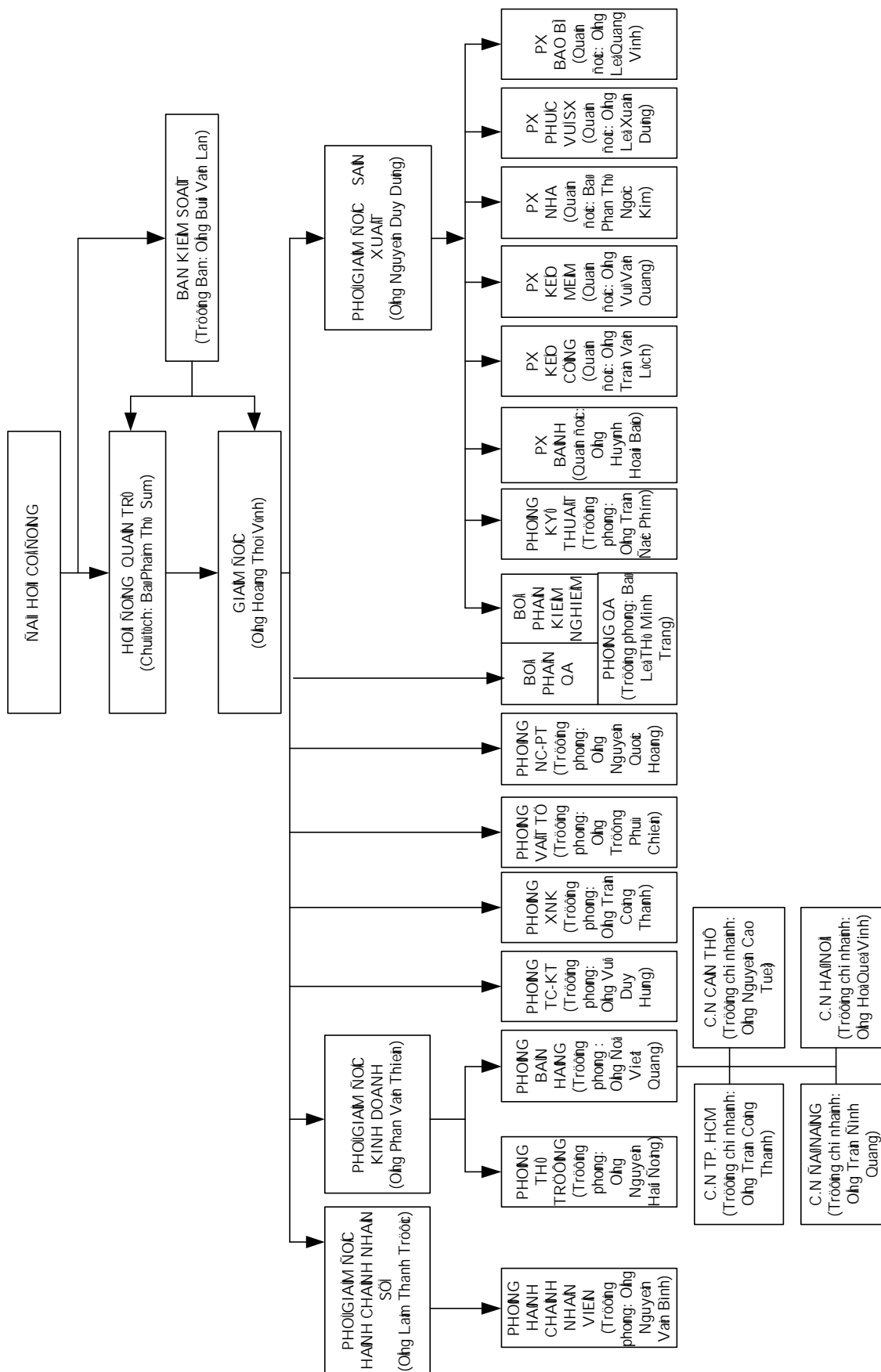
Nhiên liệu: 84.61.836576 - 84.61.836240 - 84.61.836343 Fax: 84.61.836950

E-mail: bibica@hcm.vnn.vn

Website: www.bibica.com

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
(Bao gồm cả Showroom)
Nhà máy: 64-66 Tôn Thất Tùng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Nhiên liệu: 84.8.8398202 Fax: 84.8.8395718
- Chi nhánh Nà Sản
Nhà máy: 267 Nông Nại, Phường Thạch Thang, Tp. Nà Sản
Nhiên liệu: 84.511.886161 Fax: 84.511.886162
- Chi nhánh Cần Thơ
Nhà máy: 176 Trần Hưng Đạo, Phường An Nghiệp, Tp. Cần Thơ
Nhiên liệu: 84.71.830584 Fax: 84.71.830858
- Chi nhánh Hà Nội
Nhà máy: 87 Bis Lĩnh Nam, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhiên liệu: 84.4.8629443 Fax: 84.4.6330131

3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty



Hình 1: Sơ đồ tổ chức công ty

Nội hội đồng công ty

Nội hội đồng công ty là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Bình Kiều Bình Hòa, làm rõ và ra những chính sách về chiến lược phát triển của Công ty và bầu ra ban quản lý cao nhất của Công ty là hội đồng quản trị, và bầu ban kiểm soát.

(Quyền của nội hội đồng được quy định tại điều 29 – Điều lệ hoạt động công ty)

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mức độ, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của nội hội đồng công ty. Hội đồng quản trị làm rõ và ra những định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, quyết định ban quản lý điều hành kinh doanh của Công ty bao gồm giám đốc và các phó giám đốc.

(Quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định tại điều 42 và điều 43 – Điều lệ hoạt động công ty)

Giám đốc

Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về mọi hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho giám đốc là các phó giám đốc phụ trách bộ phận kinh doanh, bộ phận sản xuất và bộ phận hành chính nhân sự.

(Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc được quy định tại điều 51 – Điều lệ hoạt động công ty)

Phó Giám đốc

Phó giám đốc là người giúp cho giám đốc trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về các hoạt động được giao.

Phòng Hành chính – Nhân viên

Phòng Hành chính – Nhân viên chịu trách nhiệm xây dựng cơ cấu tổ chức Công ty; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng; thực hiện chế độ lương thưởng và các chính sách nội bộ với người lao động; thực hiện công tác hành chính của Công ty.

Phong Thò trôông

Phong Thò trôông coi nhieäm vui nhieäu ñoà saïn xuaät kinh doanh; nghieän cöu thò trôông; xaây döng chính saäch saïn phaïm, chính saäch giaicai bao bì vaø quaäng caù khuyeän maï; nhaïn ñôn ñaët hañg gia coñg vaø laäp keähöaäch saïn xuaät cho caïc höp ñoàng gia coñg; baø veä quyeän söihöu coñg ngheä

Phong Baïn hañg

Phong Baïn hañg coi caïc chöïc nañg sau: baïn hañg; thu nhaäp thöng tin thò trôông; cung caäp thöng tin cho caïc böä phaïn lieïn quan theo yeäu caäu; quaïn lyi caïc kho thanh phaïm vaø caïc hoat ñoàng cuïa caïc chi nhaïn; xaây döng chieän lööc phaïn phaõi cho töng keñh phaïn phaõi, töng khu vöïc thò trôông ñeä tañg coñg khai nañg cañh tranh cuïa caïc keñh phaïn phaõi.

Phong Tai chính - Keätöaïn

Phong Tai chính - Keätöaïn coi chöïc nañg haäch toaïn keätöaïn caïc nghieäp vui kinh teä tai Coñg ty vaø caïc chi nhaïn; kieäm tra vieäc söidùng vaät tö, tai saïn, voñ; phaïn tích tình hình tai chính; phaõi höp phong Baïn hañg tính toaïn giaithanh keähöaäch vaø saïn lööng thöïc hieän töng thöi kyø laäp döi toaïn ngaïn saäch vaø cô caäu tai chính cho töng thöi kyø tìm nguoaïn tai tröi cho nhu caäu voñ cuïa Coñg ty; laäp vaø caäp nhaët söi nañg kyø danh saäch coä ñoàng.

Phong Xuaät nhaäp khai

Phong xuaät nhaäp khai phaui traäch nhaäp khai nguyeän vaät lieäu, thieät bö; cañ ñoä töñ kho, cung öng nguyeän vaät lieäu nhaäp khai theo keähöaäch saïn xuaät; xuaät khai saïn phaïm cuïa Coñg ty hoacë xuaät khai uy thaeic; giao nhaïn hañg hoacë xuaät nhaäp khai vaø caäp nhaët thöng tin lieïn quan xuaät nhaäp khai.

Phong Vai tö

Chöu traäch nhieäm cung öng vaät tö trong nööc vaø quaïn lyi caïc kho vaät tö nhaïn baø ñaëm cung caäp lieïn tuïc, giam chi phí vaø phaui höp vöi tình hình kho baø hieän cöu

Phong Nghieän cöu vaø Phaï trieïn

Phong Nghieän cöu vaø Phaï trieïn coi caïc chöïc nañg sau: nghieän cöu caï tien chaët lööng saïn phaïm; nghieän cöu saïn xuaät thöi caïc saïn phaïm möi; phaõi höp vöi caïc böä phaïn lieïn quan giaï quyeät tröi ngaï veä coñg ngheä caïc khieäu naï cuïa khai hañg veä

chất lượng sản phẩm; quản lý các thiết bị thí nghiệm, mẫu vật tổ, nguyên vật liệu, hồ sơ, tài liệu về công nghệ thực phẩm...

Phòng Kiểm nghiệm và Bảo Chất lượng

Phòng Kiểm nghiệm và Bảo Chất lượng thực hiện kiểm tra thí nghiệm vật tổ, sản phẩm; nâng kỹ thuật sản phẩm và quản lý các hồ sơ chất lượng sản phẩm; kiểm soát hệ thống chất lượng.

Phòng Kỹ thuật

Quản lý thiết bị, hệ thống nguồn điện, nguồn nước, nguồn hơi và nguồn gió trong Công ty, thiết kế kỹ thuật các loại bao bì sản phẩm; theo dõi việc tuân thủ quy trình công nghệ các phân xưởng sản xuất; phối hợp với phòng QA kiểm tra nguyên liệu sản xuất lần đầu; nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ công thức phối liệu; xây dựng nền móng kỹ thuật; tham gia lập dự án tiến khai thác, dự án khai thác, lập dự toán chi phí; kiểm soát và tổng kết việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Các phân xưởng sản xuất

Coinhien vuisan xuất theo kế hoạch; kiểm tra việc thực hiện các nền móng kỹ thuật và quy trình công nghệ quản lý và sử dụng lao động, vật tổ, máy móc thiết bị thuộc phân xưởng; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc cải tiến sản phẩm.

Phân xưởng phục vụ sản xuất

Gia công, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị trong Công ty; vận hành lò hơi, quản lý máy công cụ; bảo trì xe, xây dựng nền móng và theo dõi việc sử dụng nhiên liệu của xe trong Công ty.

4. Danh sách công nợ năm giốttren 5% vốn cổ phần của Công ty

Hien nay, Công ty không có công nợ năm giốttren 5% vốn cổ phần của Công ty.

5. Hoạt động kinh doanh

Thò phàn và thò trồong tiêu thụ

Tổng quan thị trường

Hiện nay Việt Nam tiêu thụ khoảng 100.000 tấn bánh kẹo mỗi năm, bình quân khoảng 1,25 kg/người/năm. Với khối lượng tiêu thụ như trên, tổng giá trị của thị trường bánh kẹo Việt Nam vào khoảng 3.800 tỷ đồng.

Trước giai đoạn đổi mới, các cơ sở sản xuất bánh kẹo lớn trong cả nước chủ yếu là các đơn vị kinh tế quốc doanh, với hai loại sản phẩm chính là kẹo cứng và kẹo mềm. Giai đoạn đổi mới bắt đầu kẹo theo việc nhập khẩu nhiều loại bánh kẹo từ bên ngoài do năng lực sản xuất trong nước không đáp ứng được nhu cầu tăng lên nhanh chóng từ việc cải thiện thu nhập của người dân. Sản phẩm bánh kẹo đã đa dạng dần. Tuy nhiên, đến những năm cuối của thập kỷ 90, sản phẩm trong nước đã giành lại đa số thị phần và hiện chiếm khoảng trên 70% giá trị thị trường.

Tham gia thị trường hiện nay có khoảng trên 30 doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo có tên tuổi trên thị trường. Số lượng các cơ sở sản xuất bánh kẹo nhỏ không có thống kê chính xác, với sản phẩm là bánh kẹo có phẩm cấp thấp, nước tiêu dùng chủ yếu tại từng địa phương riêng lẻ. Các cơ sở này có tính chiếm khoảng 35-40% thị phần bánh kẹo cả nước.

Thị trường bánh kẹo Việt Nam thay đổi theo mùa. Tiêu thụ bánh kẹo tăng mạnh từ khoảng tháng 9 đồng lịch đến Tết Nguyên Đán.

Thị phần của Công ty

Sản phẩm của Công ty nước tiêu thụ chủ yếu tại thị trường trong nước. Doanh thu tiêu thụ trong nước chiếm 96% - 97% tổng doanh thu của Công ty, doanh thu từ xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 3% - 4% tổng doanh thu với sản phẩm xuất khẩu phần lớn là các sản phẩm nhà. Trong thời gian sắp đến Công ty tiếp tục nhìn hướng phát triển theo hướng tập trung khai thác, môi trường thị trường nội địa.

Với doanh thu tiêu thụ năm 2000 đạt 187,26 tỷ đồng, Công ty hiện chiếm khoảng 7% thị trường bánh kẹo nước sản xuất trong nước.

Với hệ thống phân phối nước xây dựng từ năm 1994 và nước môi trường dân, Công ty hiện có 108 nhà phân phối, trong đó 13 nhà phân phối tại khu vực nông bằng sông Cửu Long, 42 nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Bộ, 23 nhà phân phối tại khu vực miền Trung và 30 nhà phân phối tại khu vực miền Bắc. Hiện nay, sản phẩm của Công ty nước tiêu thụ trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, thị trường chính của Công ty là khu vực miền Nam, chiếm 70% doanh thu của Công ty. Khu vực miền

Trung - Cao nguyên và khu vực miền Bắc có tỷ trọng về doanh thu ngang nhau, mỗi khu vực chiếm 15% doanh thu của Công ty. Bên cạnh thị trường tại các tỉnh, thành phố Công ty vẫn nỗ lực sản phẩm của mình nên với người tiêu dùng ở các vùng nông thôn. Doanh thu từ khu vực nông thôn hiện nay vẫn vượt qua doanh thu từ khu vực thành thị.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu của Công ty là thành phố Hồ Chí Minh, chiếm 27,36% tổng doanh thu. Kế tiếp là Đồng Nai, 8,77% và Hải Nội, 5,28% tổng doanh thu. Một số khu vực thị trường lớn của Công ty vẫn tiếp tục trình bày trong bảng dưới.

Bảng 5: DOANH THU CỦA BIBICA TẠI CÁC TỈNH THÀNH LỚN NĂM 2000

	Số NPP - NL	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng
TPHCM *	25	51.237	27,36%
Đồng Nai *	14	16.426	8,77%
Hải Nội	9	9.896	5,28%
Nà Sản	2	6.146	3,28%
Cần Thơ	2	5.048	2,70%
Nà Sản	1	4.823	2,58%

(*) Bao gồm các cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Công ty

Theo kế hoạch tài chính, doanh thu năm 2001 của Công ty là 181 tỷ đồng, giảm 3,4% so với năm 2000. Tuy nhiên, theo diễn biến sang năm 2002 doanh thu Công ty sẽ phục hồi và tăng lên 327 tỷ đồng nhờ vào các đẩy chuyển nhà tổ môi nhà và sản xuất. Song song với việc phát triển sản phẩm mới thì Công ty còn đẩy mạnh công tác tiếp thị và môi trường hệ thống phân phối nên đạt được mức tiêu tăng trưởng như trên.

Cạnh tranh trên thị trường bánh kẹo

Nội thị trường cạnh tranh trong nước:

- Công ty Xây Dựng và Chế Biến Thực Phẩm Kinh Bắc (Kinh Bắc): cạnh tranh với Bibica về các sản phẩm bánh cracker tại các tỉnh phía Nam. Với hệ thống phân phối gồm 130 nhà máy sản phẩm của Kinh Bắc được phân phối trên khắp thị trường Việt Nam, nên biết tại thành phố Hồ Chí Minh. Kinh Bắc rất chú trọng nên các hoạt động tiếp thị với nhiều biện pháp nhờ quảng cáo, khuyến mãi, ty lệ chiết khấu cho nhà lý cao và nên biết là thiết lập hệ thống các Bakery tại thành phố Hồ Chí Minh, thị trường chính của công ty. Kinh Bắc cũng đang tiến hành xây dựng hệ thống các Bakery tại Hải Nội. Tháng 9 năm 2001, nhà máy sản xuất tại Hồng Yên của Kinh Bắc bắt đầu đi vào sản xuất, phục vụ cho thị trường miền Bắc và Bắc Trung bộ Tuy nhiên, giá bán sản phẩm của công ty Kinh Bắc ở mức trung bình nên khá cao so với

các sản phẩm của các công ty khác trên thị trường. Hiện nay, Kinh Nông chiếm khoảng 10% thị trường bánh kẹo sản xuất trong nước.

- Cạnh tranh với Bibica về các sản phẩm kẹo của Công ty Bánh Kẹo Hải Hậu công ty Bánh Kẹo Hải Châu, và Công ty Nông Quảng Ngãi.

Công ty Bánh Kẹo Hải Hậu sản xuất các sản phẩm chủ yếu như cookies, bích quy, kẹo cứng, kẹo mềm và kẹo dẻo những công thức mới chủ yếu từ các sản phẩm kẹo. Sản phẩm của Hải Hậu phục vụ cho thị trường bình dân với mức giá trung bình và thấp. Với hơn 100 năm lịch sử Hải Hậu đã thiết lập nên một hệ thống phân phối ở 34 tỉnh thành trong cả nước, tập trung chủ yếu ở khu vực miền Bắc và miền Trung. Chuỗi trồng của Hải Hậu là dạng hoa sản phẩm, các biệt là những sản phẩm mang hương vị trái cây của hoa quả phía Bắc như kẹo cam, chanh, mận, ... không thời gian nào ở những chất lượng sản phẩm hiện hành. Về chiến lược tiếp thị, Hải Hậu đang biến pháp chiết khấu và tặng thêm sản phẩm. Công ty Bánh Kẹo Hải Hậu chiếm khoảng 6,5% thị trường bánh kẹo sản xuất trong nước.

Công ty Bánh Kẹo Hải Châu: cũng tổng từ Hải Hậu thị trường chính của Hải Châu là các tỉnh phía Bắc, sản phẩm phục vụ cho thị trường bình dân với giá bán trung bình và thấp. Hải Châu đang chiếm khoảng 3% thị trường bánh kẹo.

Công ty Nông Quảng Ngãi: bắt đầu tham gia thị trường bánh kẹo từ năm 1994, hiện nay công ty đã có hơn 60 sản phẩm bánh kẹo các loại. Thị trường chính của các sản phẩm bánh kẹo của công ty là khu vực miền Trung. Tuy nhiên, do bánh kẹo của công ty nằm trong nhiều ngành hàng của công ty Nông Quảng Ngãi, một số tập trung vào kẹo cho bánh kẹo không lớn. Thị phần của Công ty Nông Quảng Ngãi vào khoảng 2,5%.

- Ngoài ra còn có Công ty Nông Lâm Sơn, Xí Nghiệp Bánh Lubico, Công ty Bánh Kẹo Trang An ...

Nội thị trường cạnh tranh nước ngoài: Là các công ty vốn đầu tư nước ngoài như Công ty Liên doanh Vinabico-Kotobuki, Công ty Liên Doanh Sản xuất Kẹo Perfetti... các doanh nghiệp này nếu có lợi thế về công nghệ do môi trường thành lập khoảng bốn năm trở lại đây.

Trong nội Công ty Liên doanh Vinabico – Kotobuki nước thành lập vào ngày 12/11/1992 với vốn đầu tư kinh doanh là 3.740.000 USD, tập trung vào sản xuất các loại bánh cookies và bánh bích quy. Tuy nhiên, do thị trường chính của Vinabico - Kotobuki là thị trường xuất khẩu nên công ty ít đầu tư, không quảng cáo nên môi trường thị phần trong nước. Vinabico – Kotobuki chỉ chiếm khoảng 1% thị trường bánh kẹo sản xuất trong nước.

Công ty Liên doanh Sản xuất Keo Perfetti - Việt Nam được hình thành vào ngày 22/8/1995 với vốn năng lực kinh doanh là 5.600.000 USD, tập trung sản xuất các loại keo công cao cấp. Perfetti tập trung vào công tác tiếp thị và phân phối. Sản phẩm của Perfetti được đánh giá chất lượng ô nhiễm cao. Perfetti đang chiếm khoảng 6% thị trường bánh kẹo sản xuất trong nước.

Bên cạnh các công ty sản xuất lớn, các cơ sở sản xuất bánh kẹo nhỏ chiếm một thị phần khá lớn, khoảng 35 - 40% tổng sản lượng bánh kẹo sản xuất trong nước.

Sản phẩm nhập khẩu chiếm 30% thị phần (bao gồm chính thức và phi chính thức), chủ yếu từ Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Hồng Kông và Trung Quốc... Một số sản phẩm bánh kẹo nhập khẩu hiện nay các nhà sản xuất trong nước vẫn chưa sản xuất được.

Hoạt động tiếp thị

Chính sách về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty

Nhằm nâng cao uy tín và giữ vững lòng tin của khách hàng, Công ty thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ với giá cả cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách hàng.

Chính sách giá

Công ty luôn thực hiện chính sách giá phù hợp cho từng phân khúc thị trường. Ngoài với các khu vực phân phối, Công ty đang xây dựng một hệ thống phân phối nhằm đảm bảo áp dụng chính sách giá bán thống nhất trên toàn quốc. Giá bán sẽ cung cấp cho các nhà phân phối là giá bán sẽ trở nên chi tiết khác cho từng loại sản phẩm. Giá bán sẽ cho các loại bánh của Công ty từ 17.000đ/kg - 50.000đ/kg; cho các loại kẹo 15.500đ/kg - 40.000đ/kg.

Hệ thống phân phối

Nhằm củng cố hệ thống của Công ty đặt tại Nông Nại, nhà máy coi là trung tâm của khu tam giác kinh tế khu vực phía Nam, tạo nên thế thuận lợi cho việc phân phối sản phẩm của Công ty tới các tỉnh Ninh Nam Bộ các tỉnh khu vực nông bằng sông Cửu Long cũng như các tỉnh Cao Nguyên và miền Trung... Hiện nay Công ty đã xây dựng được một hệ thống gồm 4 chi nhánh tại các thành phố lớn là thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Nha Trang và Hải Phòng, và 108 nhà phân phối (NPP) trên toàn quốc.

Quảng cáo và tiếp thị

Sản phẩm của Công ty thông nớc giới thiệu thông qua các hội chợ triển lãm lớn nhỏ Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao, Hội chợ Thông mai...

Sản lượng sản phẩm

Sản lượng sản phẩm sản xuất

Bảng 6: SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

STT	Chỉ tiêu	1999	2000	6 tháng đầu năm 2001
1	Bánh các loại (kg)	2.905.764	2.615.137	1.227.721
2	Keo các loại (kg)	7.550.973	6.405.824	2.305.234
3	Nha (kg)	4.985.599	4.849.990	2.114.214

Trong năm 2000 Công ty sản xuất nớc:

- 2.615 tấn bánh các loại, giảm 10% so với năm 1999, đạt trung bình 63% công suất thiết kế của thiết bị.
- 6.460 tấn keo các loại, giảm 15% so với năm 1999, đạt trung bình 86% công suất thiết kế của thiết bị.
- 4.850 tấn nha, giảm 3% so với năm 1999, đạt trung bình 91% công suất thiết kế của thiết bị.

Sản lượng sản phẩm tiêu thụ

Bảng 7: SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

STT	Chỉ tiêu	1999	2000	6 tháng đầu năm 2001
1	Bánh các loại (kg)	3.044.429	2.729.305	1.068.367
2	Keo các loại (kg)	7.335.651	6.097.398	2.418.445
3	Nha (kg)	4.985.599	4.849.990	2.114.214

Trong năm 2000 Công ty tiêu thụ nớc:

- 2.792 tấn bánh các loại, chiếm 104% sản lượng sản xuất.
- 6.097 tấn keo các loại, chiếm 95% sản lượng sản xuất.
- 4.850 tấn nha, chiếm 100% sản lượng sản xuất.

Bảng 8: DOANH THU TIÊU THỤ PHÂN THEO SẢN PHẨM

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiết	1999	2000	6 tháng đầu năm 2001
1	Bánh các loại	61.800,46	64.877,81	26.525,31
2	Keo các loại	130.378,66	111.729,36	47.886,69
3	Nha	4.103,30	5.921,54	3.050,80
	Bánh-Keo-Nha	196.282,42	182.528,71	77.462,80
4	Nông - Rôôu	39.060,79	2.984,73	
5	Doanh thu khác	943,31	1.747,71	1.007,31
	Tổng doanh thu	236.286,51	187.261,15	78.470,11

Chủng loại và chất lượng sản phẩm

Công ty sản xuất 03 chủng loại sản phẩm chính cho thị trường:

Sản phẩm bánh: có 04 nhóm bánh là bánh quy, cookies, snack và bánh kem với 73 sản phẩm khác nhau về thành phần nguyên liệu và hình thức gói. Doanh thu từ các loại sản phẩm bánh chiếm trên 30% tổng doanh thu của Công ty. Sản phẩm bánh của Công ty luôn được ưa chuộng và bán chạy nhất trên thị trường ngay cả trong những năm gần đây.

Sản phẩm kẹo: gồm 03 loại chính: kẹo cứng, kẹo mềm và kẹo dẻo với 45 loại với thành phần nguyên liệu và hình thức gói khác nhau. Sản phẩm kẹo hiện nay đang là sản phẩm chủ lực của Công ty, chiếm hơn 60% tổng doanh thu. Công ty có mối liên hệ với các nhà sản xuất kẹo lớn nhất Việt Nam – hơn 80% nhu cầu về nhà máy kẹo của Công ty trực tiếp sản xuất. Ngoài ra, một số nguyên liệu sử dụng trong chế biến kẹo có nguồn gốc từ nước ngoài như: dịch hoa quả gông tổi, bột cacao... có thể đã được mua trong nước.

Sản phẩm nha: nha là sản phẩm chất lượng cao được sản xuất theo phương pháp thủy phân tinh bột bằng enzyme. Sản phẩm nha được sản xuất chủ yếu làm nguyên liệu chính cho sản xuất bánh kẹo trong nội bộ Công ty; phần còn lại được bán cho các công ty trong ngành chế biến sữa và kem tổi như: Nestlé, Vinamilk, Unilever... Ngoài ra, với chất lượng cao cấp và uy tín, sản phẩm của Công ty xuất khẩu qua một số nước trong khu vực như Indonesia, Malaysia... Tổng doanh thu của tiêu thụ ngoài nước khoảng 6 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, nên cuối năm 2001, Công ty đã lập kế hoạch mở sản phẩm mới mới sản xuất trên dây chuyền thiết bị mới như tờ ra tờ trông, số bởnhõ sau:

Bánh trung thu: Công ty đã mở sản phẩm ra tờ trông vào cuối tháng 08/2001 với các loại bánh Trung thu truyền thống như các loại bánh nướng (như xanh, hạt sen, thập cẩm, gai quay vì cái nguồn hạt nhiều), bánh dẻo và các loại bánh bía (Cantony). Công ty cung cấp các sản phẩm này ra tờ trông thông qua kênh phân phối hiện có

Bánh layer caker (bánh lan kem): mở ra tờ trông từ tháng 10/01 với các loại bánh mang hương vị trái cây, dâu, dứa và phôi socola. Cùng thời với chiến lược về sản phẩm lại tiếp tờ nhằm nhằm bảo cho sản phẩm thành công ngay trong giai đoạn giới thiệu như tiến nên giới thiệu.

Sản phẩm socola: là sản phẩm cao cấp trong ngành bánh kẹo, đời kiến mở ra tờ trông từ tháng 12/2001 gồm các loại socola dạng thanh, kẹo socola, bánh phôi socola . . .

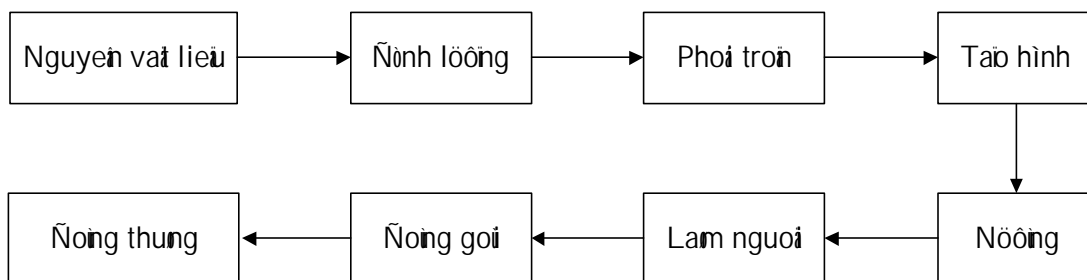
Nhãn hiệu năng ký quyền

- Nhãn hiệu Công ty: Bibica
- Nhãn hiệu sản phẩm:
 - Bibica
 - Century



Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất bánh



Hình 2 – Quy trình sản xuất bánh

Các nguyên vật liệu đầu vào chính cho sản xuất bánh bao gồm bột mì, đường, và chất béo.

Các nguyên liệu phụ gia sau khi được cân lường theo đúng công thức sẽ được phối trộn qua hai giai đoạn: trộn kem và trộn bột để được khối bột nhào đồng nhất. Khối bột sau đó sẽ được tạo hình bằng phương pháp đúc và được nướng để tạo sản phẩm bánh. Bánh được làm nguội để tránh ẩm mốc, giòn hơn nhờ đường kết tinh bên trong và làm nóng bánh để phân bố đồng đều, sau đó bánh được chuyển sang giai đoạn nóng gói và nóng thùng.

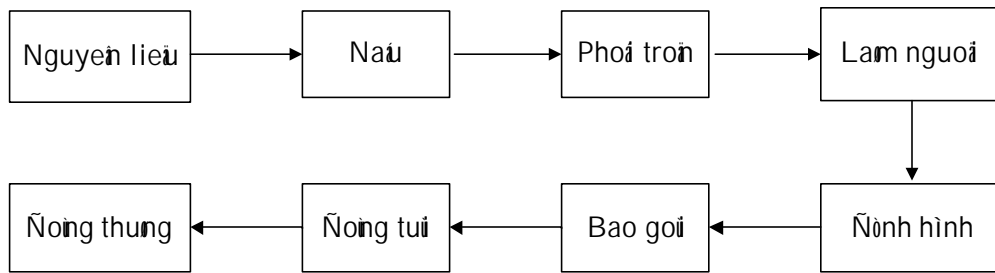
Hiện tại Công ty có ba (03) dây chuyền sản xuất bánh sau:

- Một dây chuyền sản xuất bánh bích quy, được đầu tư năm 1994 với công suất 8 tấn/ngày (bánh voi); nếu tính lại theo cấu trúc sản phẩm hiện nay (có bánh kem) thì công suất của thiết bị là 6,5 tấn/ngày.
- Một dây chuyền sản xuất bánh cookies, được đầu tư vào năm 1996 với công suất 7,5 tấn/ngày; nếu tính lại theo cấu trúc sản phẩm hiện nay (có bánh Cream-up) thì công suất của thiết bị là 3,5 tấn/ngày.
- Một dây chuyền sản xuất bánh snack, đầu tư vào năm 2000 với công suất 2 tấn/ngày.

Hai dây chuyền mới nữa vào sản xuất năm 2001 là:

- Một dây chuyền sản xuất bánh layer cake với công suất 5 tấn/ngày.
- Một dây chuyền sản xuất bánh Trung thu và cookies nhân với công suất 3 tấn bánh Trung thu / ngày hoặc 0,8 tấn bánh cookies nhân/ngày.

Quy trình sản xuất kẹo



Hình 3 – Quy trình sản xuất kẹo

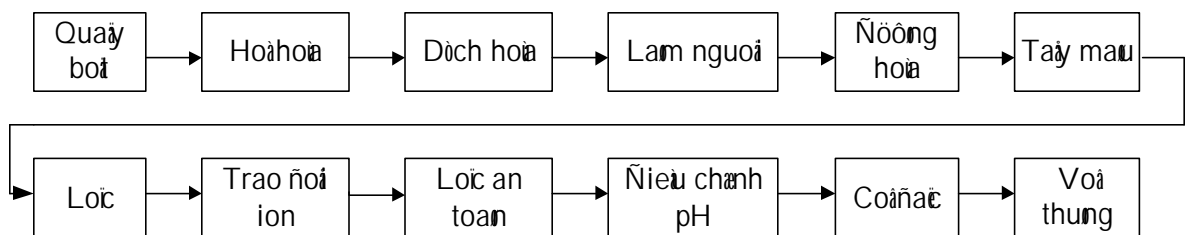
Các nguyên vật liệu nấu vào chính để sản xuất kẹo là đường, mạch nha và gelatin.

Để chuẩn bị cho giai đoạn nấu kẹo, các nguyên vật liệu nước hòa tan thành dung dịch syro nóng nhất. Dung dịch này nước gia nhiệt bốc hơi số bọt tiếp tục nước có nhanh thì nhiều kiến chân không nên nhất nước nóng thích hợp. Khi nấu xong, kẹo nước xay xuống nồi nhào trộn với một số phụ gia, rồi nước nhanh chóng làm nguội để chuyển sang hệ thống máy tạo hình. Kẹo nhào trộn chuẩn sẽ nước bao gói vào đóng túi.

Các dây chuyền kẹo mà Công ty hiện có là:

- Dây chuyền sản xuất kẹo cứng, Công ty hiện có năm (05) dây chuyền sản xuất nước nấu từ công nghệ vào năm 1996 với công suất 16 tấn/ngày.
- Dây chuyền sản xuất kẹo mềm, Công ty hiện có bốn (04) dây chuyền sản xuất nước nấu từ công nghệ vào năm 1996 và nước môi trường vào năm 1997 với công suất 9 tấn/ngày.
- Dây chuyền sản xuất kẹo dẻo (Jelly), Công ty hiện có một (01) dây chuyền sản xuất nước nấu từ công nghệ vào năm 1997 với công suất 2 tấn/ngày.
- Một dây chuyền sản xuất sôcôla (kẹo & thanh) và phụ sôcôla cho các loại bánh, thì vào hoạt động năm 2001 với công suất bình quân khoảng 2,5 tấn/ngày.

Quy trình sản xuất nha



Hình 4 – Quy trình sản xuất nha

Nguyên vật liệu nấu vào chính latinh bột sắn.

Tinh bột nôioc hoa loang với nôioc nênhat nênh noing nôiocat khoathích hoi vanniêu chanh nôiopH. Quatrình hoahoa nôioc thoiic hieinh bang thiet bô jet-cooker vavacac cot cao ap nêiphavôi lieinh ket giôa cac hat tinh bot, tap nêiuh kien cho phain oing thuy phain tinh bot xay ra deidang. Dich syroasau nôiunôioc dich hoia bang enzym dich hoia nêathuy phain cac mach tinh bot, roi nôioc lam nguoi, nêiuh chanh pH vavobosung mot loong enzym nôiong hoia can thiet. Dôiitac noing cua cac enzym nay, syroiseinôioc thuy phain thanh cac loai nôiong vavacac dextrin mach ngan. Syroiseinôioc tay mau, loc, tinh luyein sau loc bang nhôa trao noi ion vavoloc an toan thanh syroatinh khiet. Sau nôiunôioc nêiuh chanh pH vavocônhac thanh mach nha thanh phain.

Tai xôiing sain xuat nha, Công ty hieinh coimot (01) daiy chuyein sain xuat nha noing boakhep kin nôioc nêiuh tô nam 1995 với công suat 18 tan ngay.

Ngoai ra, hieinh nay Công ty con coi

- 01 phain xôiing sain xuat thung carton, nêiphoiing cho toan boanhu cau thung carton trong Công ty (khoang 1.500.000 thung / nam)
- 01 phain xôiing sain xuat khay nhôa PS, nêiphoiing khoang 80% nhu cau khay nhôa PS trong Công ty (khoang 15.000.000 khay / nam)

Nhu cau nguyein vat lieuh chinh phuic vuicho sain xuat

- Bot mi: nhu cau tieu thui khoang 1.600 tan/nam. Nguoin cung cap: nhap khaiu tric tiep chieim 80% vav20% con lai mua trong nôioc (Lieinhiep Xí nghiep Bot Mi Binh Noing, Công ty Lieinh doanh Sain xuat Bot mi Vimaflour ...). Bot mi chieim khoang 12 –13 % chi phi sain xuat kinh doanh sain phain banh. Tinh tren tong chi phi sain xuat kinh doanh thi bot mi chachieim khoang 4% tong chi phi cua Công ty.
- Nôioc: nhu cau tieu thui 5.000 tan/nam. Nguoin cung cap: chuyeuu tô Công ty Nôioc Bien Hoa (nay la Công ty Coiphain Nôioc Bien Hoa) ... Nôioc chieim khoang 5,3% chi phi sain xuat kinh doanh sain phain banh vav18% chi phi sain xuat kinh doanh sain phain keo, tôc khoang 12% tong chi phi sain xuat kinh doanh.
- Nha: nhu cau tieu thui khoang 4.000 tan/nam. Nguoin cung cap: 100% tôiphain xôiing mach nha cua Công ty.
- Chat beo (bô, shortening, margarine, dau thoiic vat): nhu cau hang nam khoang 900 tan. Nguoin cung cap: 90% nhap khaiu tric tiep, con lai nôioc mua tôc cac nhaisain xuat trong nôioc (Nha maity Dau Tôong An, Công ty Dau Ah Golden Hope - Nha Bej ...).

- Trồng gạo nhu cầu hiện nay khoảng 2 triệu quintơng/năm; nếu các đời an về các sản phẩm bình môi thì mỗi năm cần khoảng 6 triệu quintơng. Nguồn cung cấp: 100% từ thò trồng trong nớc.
- Tinh bột khoai mì cho sản xuất mành nha: chiếm khoảng 60% chi phí sản xuất kinh doanh nha, tớc khoảng 2% tổng chi phí, nhu cầu hàng năm khoảng 6.000 tấn. Nguồn cung cấp: từ Công ty Bột ngọt Vedan, Công ty Thông Mai Tân Châu ...
- Bao bì: nhu cầu bao bì giấy khoảng 1.650 tấn/năm, bao bì nhĩa khoảng 100 tấn/năm, bao bì thiếc la khoảng 1.650.000 hộp/năm. Nguồn cung cấp: bao bì giấy mua từ Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bao bì và Giấy Liksin, Công ty XNK Ngành In TPHCM Primexco, Xí nghiệp In số 7, ...; bao bì nhĩa từ Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bao bì và Giấy Liksin, Công ty Bao bì Nhĩa Tân Tiến, Công ty Nhĩa Thanh Phú...; bao bì thiếc mua từ Công ty Bao Bì Dớc, Công ty Bao Bì Quang Huy, ...
- Nếu cần chế tạo nòng của thay nới ty giã hoặc nới lên việc nhập khẩu nguyên vật liệu nhò bột mì, chất béo, ... Công ty nới tiến hành một số biện pháp nhò hạn chế vay USD, vay tiền nòng Việt Nam mua USD để thanh toán hàng nhập khẩu, xem xét thay nới ty giã nhập khẩu và mua trong nớc nới với các nguyên vật liệu nhò sản xuất nớc trong nớc...

Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Nớc thuộc ngành công nghiệp chế biến thực phẩm là yêu cầu về chất lượng và vệ sinh rất cao. Vì vậy, Công ty luôn chú ý trong khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm dùch vui, năm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và các chất tiêu quan trọng khác. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng nhò mỗi hoạt nòng sản xuất kinh doanh của Công ty nớc thực hiện nung theo yêu cầu của hệ thống năm bảo chất lượng ISO 9002 và Công ty nới nớc tổ chức BVQI cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002 vào ngày 22/01/2000.

Việc quản lý chất lượng sản phẩm nớc thực hiện nòng bảo xuyên suốt quaitrình sản xuất của công ty, từ nhập nguyên vật liệu đến quy trình công nghệ và lờu kho sản phẩm.

* *Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu:* nguyên vật liệu nhò vào cho sản xuất nếu nớc kiểm tra kỹ trước khi lờu kho bảo năm nung những tiêu chuẩn quy nòn. Trong thời gian nguyên vật liệu nớc lờu kho chờ sản xuất, phòng QA có trách nhiệm thông xuyên theo dõi, phát hiện những hồ hỏng nếu nẻnghò thanh lý hoặc nhập bổ sung.

* *Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quaitrình sản xuất:* chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quaitrình sản xuất của công ty bao gồm hai bộ phận:

- Bộ phận kiểm soát quy trình sản xuất (QA): nắm bắt tại các khâu sản xuất, các thao tác, tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy trình kỹ thuật.
- Bộ phận kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC): nắm bắt chất lượng bán thành phẩm qua tổng công nhân và không kiểm tra sản phẩm cuối cùng kiểm soát chất lượng nên tay khách hàng.

Quy trình sản xuất bánh:

- Bộ phận QA có trách nhiệm kiểm tra nội dung các công nhân hoàn toàn sử dụng đầy đủ chuyên, máy móc tối ưu nhất công nhân tạo hình, làm nguội và đóng gói, nắm bắt mọi việc thực hiện theo quy trình kỹ thuật.
- Bộ phận QC có trách nhiệm kiểm tra tất cả các công nhân từ khâu đóng gói đến thùng.

Quy trình sản xuất kẹo:

- Các công nhân nấu, phối trộn, làm nguội, bao gói và đóng gói tuân thủ các tiêu chuẩn đối với sản phẩm chất lượng của bộ phận QA.
- Bộ phận QC kiểm tra tất cả các công nhân, các phép kiểm tra thực hiện từ công nhân nhìn hình và bao gói sẽ thực hiện tất cả các công nhân ban đầu để tránh lỗi.

Quy trình sản xuất nha:

Này là quy trình sản xuất phức tạp bao gồm nhiều công nhân nội dung của hai bộ phận QA và QC nếu có trách nhiệm theo dõi kiểm tra tất cả các công nhân từ khâu bắt đầu đến cuối nắm bắt cho quy trình sản xuất nha cũng kỹ thuật, chất lượng và vệ sinh.

* *Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình lưu kho:* Thủ kho và phòng QA chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình lưu kho. Nhìn kỹ cuối tháng, phòng QA sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm trong kho. Nếu sản phẩm bị giảm chất lượng, có thể xuất thành lý do tại chế Nếu xử lý theo hướng tại chế phòng QA có trách nhiệm kiểm tra lại chất lượng của sản phẩm tại chế

Tình hình nghiên cứu và phát triển

Với nội dung ngay một cao của khách hàng và chuẩn bị cho việc gia nhập vào AFTA năm 2003, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa không ngừng nghiên cứu và phát triển sản phẩm và dịch vụ của mình. Các mục tiêu chính bao gồm:

- Luôn nỗ lực mỗi công nhân để đáp ứng nhu cầu ngay một cao của khách hàng.
- Nâng cao và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Môi trường trồng trong nước và hướng tối xuất khẩu.

Các hợp nông lớn đang thực hiện:

Các hợp nông lớn có giá trị trên 300 triệu đồng của Công ty nước thống kê chi tiết tại phụ lục 6.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	1999	2000	06T-2001
1	Tổng giá trị tài sản	83.370,12	107.174,58	106.885,25
2	Doanh thu thuần	236.286,51	187.216,15	78.470,10
3	Thuế và các khoản phải nộp NS	10.895,79	8.812,27	4.457,68
4	Chi phí bán hàng	8.578,12	5.393,78	1.256,06
5	Lợi nhuận trước thuế	8.763,75	9.545,06	1.985,63
6	Lợi nhuận sau thuế	8.763,75	9.545,06	1.747,66
7	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	6,24%	75,46%	

Doanh thu thuần trong năm 2000 là 187,26 tỷ đồng, giảm 20% so với doanh thu là 236,29 tỷ đồng của năm 1999, không doanh thu từ bánh kẹo, nhà chạ giảm 7% do trong tổng doanh thu của năm 1999 có 40 tỷ đồng doanh thu từ rượu và đồ uống Công ty kinh doanh cho Công ty Nông Sản Hòa. Trong năm 2000, Công ty đã chuyển giao lại hoạt động này cho Công ty Nông Sản Hòa. Doanh thu sau thuế năm 2001 đạt 42% doanh thu năm 2000 và bằng 43% so với kế hoạch. Tuy nhiên, Công ty ước tính doanh thu năm 2001 vẫn đạt nước kế hoạch nhờ ra do hai nguyên nhân. Một là thời kỳ bán kẹo Việt Nam có tính mua vui, sản phẩm tiêu thụ bánh kẹo tăng cao vào dịp Tết Trung thu và các tháng cận Tết Nguyên Đán. Hai là trong sáu tháng cuối năm Công ty nã ra thời kỳ các sản phẩm mới bao gồm bánh Trung thu và bánh bông lan kem layer cake các loại.

Lợi nhuận trước thuế năm 2000 đạt 9,55 tỷ đồng, tăng 8,9% so với lợi nhuận sau thuế của năm 1999 là 8,76 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế sau thuế năm 2001 đạt gần 2 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 13,9% trong năm 1999 lên 20,2% năm 2000 và 26,7% trong nửa đầu năm 2001. Tuy nhiên, do chi phí quảng cáo, khuyến mãi nên giá trị sản phẩm mới cao trong 6 tháng đầu năm, lợi nhuận của Công ty của quý I và II năm 2001 chỉ đạt 2 tỷ Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế của năm 2001 sẽ là 7,5 tỷ đồng.

Một số chỉ tiêu cơ bản thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

a. Tài sản cố định hữu hình tính đến 30/06/2001

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao thẳng đều trên thời gian sử dụng ước tính của chúng.

Tỷ lệ khấu hao năm 1999 được áp dụng theo Quyết định số 1062/TC/QĐ/CSTC ban hành ngày 14 tháng 11 năm 1996. Tỷ lệ khấu hao năm 2000 và năm 2001 được áp dụng theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Bộ Tài chính, với tỷ lệ khấu hao (% /năm) như sau:

Bảng 10: TỶ LỆ KHẤU HAO

STT	Chỉ tiêu	1999	2000	2001
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	10,00	20,00	10,00
2	Máy móc và thiết bị	12,5 – 16,67	14,28 – 20,00	8,33
3	Phương tiện vận tải	12,5 – 16,67	16,67 – 33,33	10,00
4	Dụng cụ và phòng	12,5 – 33,33	20,00	12,50

Do một số tài sản cố định đến 31/12/1999 hết thời gian khấu hao và do thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định ảnh hưởng làm chi phí khấu hao năm 2000 thấp hơn chi phí khấu hao năm 1999 với số tiền ước tính khoảng 3.615.248.261 đồng.

Nếu 6 tháng đầu năm 2001, tỷ lệ khấu hao năm 2000 thì chi phí khấu hao trong chi phí sản xuất chung sẽ tăng lên là 1.620.752.802 đồng. Việc giảm chi phí khấu hao do một số tài sản đầu tư bằng vốn vay ngân hàng và Công ty đã trích khấu hao cơ bản theo lịch trình trả nợ vay trung hạn (thông thường 2 – 4 năm), tốc độ khấu hao nhanh hơn trả nợ theo kế hoạch. Trong năm 2001 Công ty khấu hao lại theo tỷ lệ bình thường theo quy định trong Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC.

Bảng 11: GIAI TRÒ TẠI SẢN COÃNINH HỮU HÌNH TÍNH NÊN 30/6/2001*Nôn vò: ñong Viêt Nam*

Chætieu	Nha cõn	Trang thiêt bõ	Phõng tiên vañ chuyên	Thiêt bõ vañ phong
1. NGUYÊN GIAI				
Soãdõ ñau ky	10.745.367.168	72.359.319.068	2.857.449.080	1.181.595.806
Soãtañg trong ky		273.735.939	826.101.282	116.813.314
Soãgiañm trong ky				
Soãdõ cuoái ky	10.745.367.168	72.633.055.007	3.683.550.362	1.298.409.120
2. KHAU HAO TÍCH LUY				
Soãdõ ñau ky	8.677.555.664	52.948.789.069	434.395.234	375.927.632
Soãtañg trong ky	60.846.886	984.698.580	151.183.004	59.331.026
Soãgiañm trong ky				
Soãdõ cuoái ky	8738.402.550	53.933.487.649	585.578.238	435.258.658
3. GIAI TRÒ CON LAI				
Soãdõ ñau ky	2.067.811.504	19.410.529.999	2.423.053.846	805.668.174
Soãdõ cuoái ky	2.006.964.618	18.699.567.358	3.097.972.124	863.150.462

b. Tại sản coãninh voãhình tính ñen 30/06/2001**Bảng 12: GIAI TRÒ TẠI SẢN COÃNINH VOÃHÌNH TÍNH NÊN 30/6/2001***Nôn vò: ñong Viêt Nam*

Chætieu	30/06/2001
Nguyên giai	256.080.000
Khau hao	24.312.373
Giaitro con lai	231.767.627

c. Mõic lõng bình quañ**Bảng 13: MÕIC LÕNG BÌNH QUẢN CỦA CBCNV**

Chætieu	1999	2000	Quyũt vañ I/2001
Mõic lõng bình quañ (ngan ñong/ngõõoi/thang)	1.564	1.572	1.537

d. Các khoản phải thu**Bảng 14: CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA CÔNG TY***Nôn vò: ñong Viêt Nam*

STT	Chætieu	31/12/2000	30/6/2001
1	Các khoản phải thu của khách hàng	12.585.951.030	9.309.757.162
2	Các khoản phải trả trước cho người bán	5.137.039.884	17.477.136.954
3	Thuế giaitro gia tang ñau vañ		
4	Các khoản phải thu khác	852.912.481	2.182.184.347
5	Các khoản tạm õng	117.304.425	151.311.001
6	Cõng	18.693.207.820	29.120.389.464

Các khoản nợ quá hạn, nguyên nhân và khả năng thu hồi:

Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn cần phải xử lý

e. Nợ phải trả

Bảng 15: CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY

Nôn và: nông Việt Nam

STT	Chi tiêu	31/12/2000	30/6/2001
1	Vay ngắn hạn	41.427.136.068	38.762.793.320
2	Nợ dài hạn nên hạn trả	930.163.990	4.078.740.130
3	Nợ phải trả cho nhà cung cấp	25.312.813.625	12.376.593.953
4	Người mua trả tiền trước	84.737.971	116.650.826
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	663.435.393	73.145.906
6	Phải trả cán bộ công nhân viên	1.028.422.612	28.935.040
7	Phải trả phải nộp khác	2.351.299.077	2.871.656.309
8	Nợ dài hạn	-	13.310.640.870
9	Nợ khác	2.396.331.461	2.658.254.117
10	Cộng	74.194.340.197	74.277.410.471

Thanh toán các khoản nợ nên hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và các khoản vay.

f. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Bảng 16: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	31/12/2000	30/6/2001
1	Thuế giá trị gia tăng	4.786.120.091	2.798.064.954
2	Thuế xuất nhập khẩu	3.656.710.033	1.327.943.762
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.918.471	237.969.130
4	Thuế môn bài	850.000	850.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	284.668.396	92.850.498
6	Cộng	8.812.266.991	4.457.678.344

g. Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo những quy định áp dụng cho các doanh nghiệp lao động công ty có phần và theo quyết định của Hội đồng quản trị (theo Điều 68 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty). Cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: trích lập từ 15% đến 60% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi: trích lập từ 5% đến 15% lợi nhuận sau thuế

Tình hình trích lập các quỹ tại Công ty trong năm 2000 như sau:

Bảng 17: TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TY NĂM 2000
 Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Số tiền trích	Tỷ lệ trích lập
1	Quy định đầu tư phát triển	-	-
2	Quy định khen thưởng	999.339.310	10,5%
3	Quy định phúc lợi	498.379.020	5,2%
4	Quy định phòng tài chính	499.855.775	5,2%

7. Chính sách nội với người lao động

Về chế độ tiền lương, Công ty trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất theo hình thức khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của lao động trực tiếp sản xuất sáu tháng đầu năm 2001 là 1,17 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương của lao động gián tiếp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tiền lương trung bình của nhân viên gián tiếp sản xuất 6 tháng đầu năm 2001 là 1,48 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương trung bình của các cán bộ quản lý vào khoảng 5,2 triệu đồng/người/tháng, của nhân viên trung bình 1,3 triệu đồng/người/tháng. Nhìn một tiền lương nước xây dựng dựa vào mặt bằng lương của tỉnh Nghệ An.

Nhằm khuyến khích người lao động và các bộ phận hoạt động hiệu quả hơn, nâng cao năng suất lao động, hàng tháng Công ty xét thưởng cho các bộ phận có tinh năng nổ trong kinh doanh, kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, và xét thưởng cho các cá nhân xuất sắc. Công ty có thể thưởng bằng tiền với mức thưởng tổng cộng với 10% - 20% tháng lương hoặc tháng chờ cho các cá nhân. Tiền thưởng cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm rồi Song song với chính sách thưởng, Công ty áp dụng các hình thức phát thưởng với các tập thể cá nhân có vị phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ giảm các khoản khen thưởng, giảm tiền thưởng lương tháng 13 ...

Công ty thông qua tiến hành các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho người lao động. Quy định đào tạo trung bình trong 2 năm 1999, 2000 của Công ty vào khoảng 150 - 200 triệu đồng/năm. Hình thức đào tạo nhân viên chủ yếu hiện nay là mời giảng viên và giảng dạy hoặc cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học do các trung tâm đào tạo tổ chức.

Ngoài các chính sách nội trên, các chính sách khác nước áp dụng theo những luật lao động như:

- Nước ký kết hợp đồng lao động.
- Nước trả lương theo nội dung hợp đồng lao động và theo Luật Lao động của Việt Nam quy định.

- Nỗ lực tạo nhiều kiến thức lành mạnh trong lao động và học tập.
- Nỗ lực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc.
- Nỗ lực quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động.
- Nỗ lực quyền ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu (nếu có).
- Bên cạnh nội Công ty còn khen thưởng, tổ chức các buổi tham quan cho con em các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

8. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 18: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	1999	2000	Quyết I/01
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nội ngân hàng	Lần	1,1979	1,1400	1,3994
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,1131	0,1127	0,0534
Chỉ tiêu về cấu trúc vốn				
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,6087	0,6923	0,6949
Nợ/Vốn sở hữu	Lần	1,5553	2,2497	2,2779
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Gia vốn hàng bán/hàng tồn kho	Lần	4,9130	2,7083	1,2927
Hiệu suất sử dụng tổng tài sản	Lần	2,8342	1,7473	0,7342
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,71%	5,10%	2,23%
Lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	26,86%	28,94%	5,36%

Tỷ lệ nợ/vốn sở hữu tăng từ 1,56 lần năm 1999 lên 2,25 lần trong năm 2000. Chỉ số nội trên tổng tài sản trong năm 2000 và năm 1999 đều ở mức từ 0,6 đến 0,7.

9. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

9.1 Các thành viên Hội đồng Quản trị: gồm 7 người.

9.1.1 Bà Phạm Thị Sum

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bình Kiều Biển Hòa.

Số cổ phần nắm giữ: 22.400 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 02-02-1944

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh
 Nơi cư trú: 20/22 Nguyễn Trường Tái F 12, Q 4, TPHCM
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
 Quá trình công tác:
 1971-1975: Công tác tại Nhà máy Bưu điện Hà Nội
 Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật
 1976-1985: Công tác tại Liên hiệp Mía Nông II (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).
 Chức vụ: Trưởng Phòng Kỹ thuật
 1985-đến nay: Công tác tại Công ty Nông Sản Thực Phẩm
 Chức vụ: Giám đốc
 Công tác tại Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa
 Chủ tịch HĐQT

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan:

Con: Võ Văn Hưng số hộ 60.200 có phiếu

9.1.2 Ông Hoàng Thời Vinh

Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa.
 Số cổ phần nắm giữ: 22.400 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 01-06-1950
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Nơi cư trú: 133/D1 Tô Hiến Thành, F13, Q10, TPHCM
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá học phẩm
 Quá trình công tác:
 1973-1984: Công tác tại Công ty Nông Sản Thực Phẩm
 Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật
 1984-1999: Công tác tại Công ty Nông Sản Thực Phẩm
 Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật và Phó Giám đốc Kỹ thuật.
 1999-đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Bánh Kẹo Biên Hòa
 Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan:

Mê: Lê Thị Xuân số hộ 49.360 có phiếu

Vợ: Nguyễn Thị Anh Thuý số hộ 20.120 có phiếu

9.1.3 Ông Trần Văn Lịch

Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc Phân xưởng Keo công Công ty Cổ phần Bình Keo Biên Hòa.

Số cổ phần nắm giữ 22.640 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 09-08-1955

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú thường trú 197/4 - Quốc Lộ 15, F. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai.

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

1984-1987: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thúc phẩm Biên Hòa – Liên Hiệp Mía Nông II

Chức vụ: Quản đốc phân xưởng cắt gỗ

1987-1999: Công tác tại Công ty Nông Biên Hòa

Chức vụ: Quản đốc phân xưởng keo công

1999-nên nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Bình Keo Biên Hòa

Chức vụ: Quản đốc phân xưởng keo công

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan:

Vợ: Nguyễn Thị Hiền số hộ 8.540 số phiếu

9.1.4 Ông Phan Văn Thiên

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Bình Keo Biên Hòa

Số cổ phần nắm giữ 67.200 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 01-02-1965

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú thường trú 20 Cờ xài Kha Văn Cảnh, Thủ Đức, TPHCM

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Cán bộ quản trị kinh doanh, kỹ sư nhiệt năng công nghiệp.

Quá trình công tác:

1989-1999: Công tác tại Công ty Nông Biên Hòa

Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kế hoạch, Trưởng phòng Kế hoạch

1999-nên nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Bình Keo Biên Hòa

Chức vụ: Phó Giám đốc Kinh doanh

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: không có

9.1.5 Ông Nguyễn Văn Lợi

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bình Kết Biên Hòa

Số cổ phần nắm giữ 59.360 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 13-09-1955

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 9/2 Khu Phố 1, Phường Tân Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

1978-nên nay: Công tác tại Công ty Nông Biên Hòa

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Biên Hòa.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

9.1.6 Bà Lê Thị Kim Hoa

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bình Kết Biên Hòa

Số cổ phần nắm giữ 22.400 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 24-06-1938

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 24/5/10D3 Cõ xài Văn Thành, P.25 Q. Bình Thạnh, TPHCM

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá học phẩm

Quá trình công tác:

1964-1976: Công tác tại Nhà máy nông Việt Trì

Chức vụ: Phó Giám đốc Kỹ thuật

1976-1978: Công tác tại Nhà máy nông Biên Hòa

Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc

1978-1982: Công tác tại Liên Hiệp Mía Nông II

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

1986-1988 Công tác tại Nhà máy Mía Nông Bình Đồng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc

1990-1994: Công tác tại Liên Hiệp Mía Nông II

Chức vụ: Tổng Giám đốc

1994-nên nay Nghề hưu

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

9.1.7 Ông Nguyễn Xuân Trình

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bình Kiều Biển Hồ

Số cổ phần nắm giữ 29.120 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 14-05-1953

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú F6/9 Khu Phố 1, Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

1984-1986: Công tác tại Công ty Nông Nghiệp

Chức vụ: Phó phòng kế hoạch.

1986-1988 Công tác tại Công ty Nông Nghiệp

Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch

1988-05-2001 Công tác tại Công ty Nông Nghiệp

Chức vụ: Phó Giám đốc

05-2001-nay Công tác tại Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

9.2 Các thành viên Ban Giám đốc: gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

9.2.1 Ông Hoàng Thời Vĩnh

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Giám đốc Công ty Cổ Phần Bình Kiều Biển Hồ (xem phần trên).

9.2.2 Ông Phan Văn Thiên

Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Giám đốc Kinh Doanh Công ty Cổ Phần Bình Kiều Biển Hồ (xem phần trên).

9.2.3 Ông Nguyễn Duy Dũng

Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Bình Kiều Biển Hồ

Số cổ phần nắm giữ 28.280 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 27-02-1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 182/18 Bạch Đằng, F.24, Bình Thạnh, TPHCM

Trình ñoàivàñ hoaù 12/12

Trình ñoàichuyeñ moñ: Kyõsõ cô khí cheátàib maỹ

Quaitrình công táic:

1982-1986: Công táic táic Công ty Ñõõng Hiệp Hoa

Chõic vui: Càn BõikỹThuát

1986-1988: Công táic táic Cô Khí Thõic Phãm Biệñ Hoa- Liệñ Hiệp
Mía Ñõõng II

Chõic vui: Càn BõikỹThuát

1999-ñeñ nay: Công táic táic Công ty Cõiphãn Bành Keõ Biệñ Hoa

Chõic vui: Trõõng phõng KyõThuát, Phõigiam ñõic Kyõthuát

Các quyệñ lõic maũ thuậñ vớic lõic ích Công ty: Khoñg

Nhõõng ñõõic cõilieñ quan:

Em: Nguyễñ Thõ Kim Hoa sõihõu 4.480 cõiphieũ

9.2.4 Ông Lâm Thanh Trõõic

Phõigiam ñõic Hãñh Chãñh-Nhãñ Sõic Công ty Cõiphãn Bành Keõ Biệñ Hoa

Sõicõiphãn ñãm giõõ 26.880 cõiphãn (mẽñ giãũ10.000 ñõõng)

Giõic tĩñh : Nam

Ngay sinh : 06-08-1956

Quõic tõch : Việñ Nam

Dãñ tõic : Kĩñh

Ñõic chã thõõng trũic 23/178 Nõ Trang Long, F7, Q. Bĩñh Thãñh, TPHCM

Trình ñoàivàñ hoaù 12/12

Trình ñoàichuyeñ moñ: Cõinhãñ kĩñh teã

Quaitrình công táic:

1981-1990 Công táic táic Công ty Ñõõng Biệñ Hoa

Chõic vui: Càn Bõiphõng tãichõic lao ñõõng

1990-1996: Công táic táic Công ty Ñõõng Biệñ Hoa

Chõic vui: Phõiphõng tãichõic lao ñõõng

1996-1998: Công táic táic Công ty Ñõõng Biệñ Hoa

Chõic vui: Trõõng phõng tãichõic lao ñõõng

1999-nay: Công táic táic Công ty Ñõõng Biệñ Hoa

Chõic vui: Trõõng phõng hãñh chãñh nhãñ sõic, Phõigiam ñõic hãñh
chãñh nhãñ sõic

Các quyệñ lõic maũ thuậñ vớic lõic ích Công ty: Khoñg

Nhõõng ñõõic cõilieñ quan:

Em: Lãm Thõ Cũic sõihõu 1.820 cõiphieũ

Em: Lãm Thu Nga sõihõu 3.230 cõiphieũ

Em: Lãm Thõ Lan Chĩ sõihõu 4.840 cõiphieũ

9.3 Các thành viên Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên

9.3.1 Ông Bùi Văn Lang

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bình Kiều Biển Hoa

Số cổ phần nắm giữ 8.400 cổ phần cá nhân (mệnh giá 10.000 đồng), và 198.090 cổ phần (nằm diện của CTCP Nông Biển Hoa)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 20-02-1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 129 Cõ xũ Nông, phường An Bình, Biển Hoa, Nông Nai

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1985-2001: Công tác tại Công ty Nông Biển Hoa

Chức vụ: Phó phòng kế toán tài chính, Kế toán trưởng

2001-đến nay: Công ty Cổ phần Nông Biển Hoa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

9.3.2 Bà Võ Thị Kim Khánh

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Bình Kiều Biển Hoa

Số cổ phần nắm giữ 15.400 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng)

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 01-06-1941

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 106 Bũ nông Số 2 Cõ xũ Nũ Thanh, Tp. Hũ Chí Minh.

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Chuyên viên chính bậc 7

Quá trình công tác:

1967-1975: Công tác tại UBND Tỉnh Thái Bình

Chức vụ: Cán Bộ

1975-1997: Công tác tại Ủy ban Văn hoá Nghệ thuật - Ban Văn hoá Chính phủ

Chức vụ: Phó phòng, trưởng phòng và chuyên viên chính bậc 7

1997-đến nay: Nghề hưu

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

9.3.3 Ông Trông Văn Thanh

Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Bình Kết Bình Hoà

Số cổ phần nắm giữ 0

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 10-10 -1964

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Nơi cư trú 202 Cõ xã Nông khu phố 10, phường An Bình, Bình Hoà,
Nông Nai.

Trình độ văn hoá 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác:

1989-2001 Công tác tại Công ty Nông Bình Hoà

Chức vụ: Phó phòng kỹ thuật, Quản nước phân xõng.

2001-nên nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Nông Bình Hoà

Chức vụ: Phó Giám đốc kỹ thuật nhà máy nông thôn Tây
Ninh-Công ty Cổ phần Nông Bình Hoà.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Những người có liên quan: Không có

10. Tài sản

Bảng 19: DANH MỤC TSCN CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY NGÀY 01/07/2001

NVT: nông Việt Nam

TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	GT CON LẠI
Thiết bị phân xõng bình	27.708.179.336	6.144.500.514
Thiết bị phân xõng kết công	16.444.429.652	4.840.225.025
Thiết bị phân xõng kết mềm	11.242.525.786	3.762.628.671
Phòng tiến văn tài	3.683.550.362	3.097.972.123
Thiết bị kết Jelly	2.587.751.542	1.078.604.017
Thiết bị phân xõng nha	12.215.773.086	928.337.433
Thiết bị phân xõng bao bì	1.003.222.458	807.519.261

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Căn cứ theo Nội lệ hoạt động của Công ty năm 1999 và Hội đồng Quản Trị Công ty sẽ công bố tỷ lệ cổ tức khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- Cổ tức năm chia cho công nhân theo phần vốn góp. Tuy tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho phép. Hội đồng Quản Trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức cho các công nhân theo tổng quy định sau (06) tháng hoặc năm.
- Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá năm 1999 là 2,1% và năm 2000 là 28,81%, tổng nông 546.768.070 nông năm 1999 và 7.203.231.930 nông năm 2000.

- Kế hoạch cho 03 năm tới như sau:

Bảng 20: CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐỐI KIỆN

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH.2001	KH.2002	KH.2003
1	Doanh thu SXKD thuần	180.867	327.147	378.181
2	Chi phí	173.353	309.184	356.028
3	Lợi nhuận trước thuế	7.514	17.963	22.153
4	Lợi nhuận sau thuế	6.311	17.963	18.608
5	Thu nhập thuần/DT thuần (%)	3,49%	5,48%	4,92%
6	Thu nhập thuần/Vốn nhiều lẻ (%)	11,27%	25,66%	26,58%
7	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	0,12	0,12	0,12
8	Tổng cổ tức chi trả	5.670	8.400	8.400
9	Tỷ suất lợi nhuận chi trả cổ tức (%)	89,84%	46,76%	45,15%
10	Lương TB của CBCNV/tháng (đ)	1.440.406	1.594.199	1.631.116

Theo kế hoạch, doanh số của Công ty năm 2002 là 309 tỷ. Doanh số năm 2002 tăng so với năm 2001 vì có nhiều đại lý chuyển nhà tổ môi giới vào sản xuất. Các mặt hàng môi giới theo đối kiện nếu có tỷ suất lợi nhuận cao nên tỷ suất thu nhập thuần trên doanh thu tăng.

Về lợi nhuận, Công ty nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu sau có phần hoãn và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kế tiếp 2001, 2002. Năm 2001, Công ty phải nộp 50% tổng thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập thuần trên doanh thu giảm từ 4,51% năm 2000 xuống 3,49%. Tuy nhiên, nếu hồ sơ xin niêm yết của công ty nộp phê chuẩn trong năm 2001 thì công ty sẽ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn toàn trong năm 2002 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2003.

Năm 1999 tỷ lệ cổ tức/mệnh giá nộp chi trả là 2,19% do công ty quyết định giữ lại lợi nhuận để nhà tổ phát triển. Trích lập quỹ nhà tổ phát triển của công ty năm 1999 là 6.250.000.000 đồng và sau đó nhà tổ nộp bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh. Tháng 3 năm 2001 Công ty nâng vốn nhiều lẻ từ 25 tỷ lên 35 tỷ đồng từ lợi nhuận giữ lại và vốn bổ sung; có phiếu nộp phần chia cho công đồng theo tỷ lệ góp vốn ban đầu với tỷ lệ 1 có phiếu cũ 0,4 có phiếu mới.

Năm 2000, tỷ lệ cổ tức/mệnh giá nộp chi trả là 28,8%. Công ty đối kiện sẽ chi trả cổ tức tối thiểu 12% trong các năm tiếp theo.

12. Chiến lược sản xuất kinh doanh và đại hạn của Công ty

Mục tiêu

Mục tiêu của Bibica trong thời gian tới là tăng doanh số. Nếu đạt được mục tiêu nội Công ty sẽ tập trung vào các chiến lược kinh doanh sau đây:

- Duy trì và tăng nhanh doanh thu của Công ty:
Công ty đang có kế hoạch tiếp tục tăng nhanh doanh thu trong các năm tới bằng việc tiếp tục đầu tư nhằm nâng cao thêm chủng loại sản phẩm. Công ty đã đầu tư đầy đủ chuyên sản xuất bánh Trung Thu, bánh layer cake, và sẽ tiếp tục đầu tư vào kẹo deposit và sôcôla. Ngoài ra đang hoạch định sản phẩm, Công ty còn có kế hoạch mở rộng ra phía Bắc bằng việc đầu tư vào Nhà máy Bánh kẹo Hà Nội với mục đích tăng thị phần và doanh thu tại khu vực miền Bắc, khai thác tối đa hệ thống phân phối sản phẩm tại khu vực này, đồng thời tận dụng được những ưu thế của khu vực phía Bắc về giá nhân công, tiền thuê nhà, ... và giảm chi phí vận chuyển hàng hóa ra phía Bắc (khoảng 10% tổng chi phí).
- Nâng cao hàng loạt trong tâm cho mọi hoạt động của Công ty:
Nâng cao hàng loạt trong tâm cho mọi hoạt động của Công ty với mục tiêu tăng doanh số thông qua nhiều dòng sản phẩm mới, Công ty mong muốn có thêm nhiều sản phẩm mới, cung cấp nhiều lựa chọn hơn cho khách hàng và thông qua nội dung khác nhau thêm tên tuổi của Bibica trong thị trường bánh kẹo Việt Nam. Công ty đã và sẽ xây dựng chính sách một gia đình liên kết toàn quốc nhằm bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Chiến lược phát triển sản xuất ở khu vực phía Bắc cũng nhằm tạo nhiều việc làm cho Công ty cạnh tranh hơn về giá cả bên cạnh nội Công ty tiếp tục củng cố và mở rộng hệ thống phân phối hiện có giúp cho khách hàng có thể tiếp cận sản phẩm của Công ty một cách tốt nhất.
- Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh:
Thông qua hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình ISO 9002, Công ty phải luôn giảm chi phí sản xuất và chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

Kế hoạch đầu tư

Nếu thực hiện được các chiến lược kinh doanh, Công ty Bibica sẽ đầu tư mạnh vào sản xuất trong 2 năm 2001 và 2002. Các hạng mục đầu tư chủ yếu tập trung vào các dây chuyền sản xuất bánh layer cake, sôcôla, bánh Trung Thu, dây chuyền kẹo deposit nhằm nâng cao công suất, mở rộng và mở mới công nghệ của nhà máy sản xuất hiện có tại Biên Hòa, Nông Nai, và xây dựng nhà máy mới tại

khu công nghiệp Sài Nông B, Gia Lâm - Hà Nội (do Công ty nấu tò 100% vốn) nên phục vụ cho thị trường phía Bắc.

Toàn bộ kế hoạch nấu tò này được phân thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 bắt đầu từ năm 2000 và kết thúc vào năm 2002. Giai đoạn 2 bắt đầu vào năm 2002 và hoàn thành vào cuối năm 2002.

Bảng 21: KẾ HOẠCH NẤU TÒ GIAI ĐOẠN I

Đơn vị: 1.000.000đ

STT	Tên hàng mục	Vốn nấu tò	Thời gian hoàn thành dự kiến
1	Đầy chuyên bánh Layer Cake	19.059	10/2001
2	Đầy chuyên Sôcôla	9.514	11/2001
3	Thiết bị SX bánh Trung Thu và Cookies nhân	6.915	06/2001
4	Thiết bị nướng bánh SX Snack	613	03/2001
5	Hệ thống máy nạp trứng	413	09/2001
6	Các thiết bị nướng gói bánh	1.361	09/2001
7	Xây dựng Nhà máy Bánh kẹo Hà Nội	13.310	02/2002
8	Nấu tò khác	2.993	12/2001
9	Tổng cộng	54.178	

Bảng 22: KẾ HOẠCH NẤU TÒ GIAI ĐOẠN II

Đơn vị: 1.000.000đ

STT	Tên hàng mục	Vốn nấu tò	Thời gian hoàn thành dự kiến
1	Đầy chuyên bánh mặn (Cracker)	42.325	11/2002
2	Đầy chuyên kẹo Deposit	27.440	06/2002
3	Tổng cộng	69.765	

Nguồn vốn nấu tò cho các dự án trên từ các nguồn sau:

Nếu bắt đầu năm nguồn vốn cho nấu tò theo kế hoạch trên, ngoài nguồn vốn tài chính và nguồn vốn vay, Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho công ty hiện có các nhà đầu tư tổ chức và công chúng nấu tò bên ngoài.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Bánh Trung thu sẽ có mặt trên thị trường vào Trung thu năm 2001. Các sản phẩm bánh layer cake và sôcôla sẽ được chào bán vào quý IV nên xây dựng hình ảnh sản phẩm trong công chúng và tham gia thị trường bánh kẹo Tết 2002.

Với các dự chuyên sản xuất hiện có và phân nấu tò mới, dự kiến sản xuất và tiêu thụ trong 3 năm 2001-2003 như sau:

Bảng 23: SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT DỒI KIẾN

STT	Sản phẩm	Đơn vị	TH.2000	KH.2001	KH.2002	KH.2003
1	Bánh các loại	Kg	2.615.136	3.057.500	4.496.200	5.334.000
2	Keo các loại	Kg	6.405.824	5.415.000	7.412.800	7.847.200
3	Nha	Kg	4.849.990	4.400.000	5.222.400	5.355.000
4	Thùng carton	Box	1.107.920	1.350.000	1.500.000	1.650.000
5	Khay nhựa PS	Cái	5.129.903	8.350.000	15.000.000	16.500.000

Do các hãng mực màu tô nước hoàn thành chủ yếu vào cuối năm 2001 và đầu năm 2002, sản lượng bánh kẹo sản xuất và tiêu thụ sẽ tăng mạnh trong năm 2002: bánh tăng 47% và kẹo tăng 37% so với năm 2001. Năm 2003 sẽ ổn định dần với mức tăng từ 18-20%/năm đối với bánh và 5-6%/năm đối với kẹo.

13. Các thông tin, các tranh chấp kiến tụng liên quan đến Công ty cổ phần kinh doanh nền giấy công nghệ in ấn

Công ty hiện không có các tranh chấp kiến tụng với các đơn vị kinh doanh nền giấy công nghệ in ấn.

IX. PHỤ LỤC

1. Danh mục nhà niêm nội công bố bán công khai.
2. Báo cáo kiểm toán 6 tháng đầu năm 2001
3. Báo cáo kiểm toán năm 1999 - 2000
4. Tóm tắt nội dung hoạt động và hoạt động.
5. Bản kiểm kê tài sản công nghệ in ấn tại sản phẩm (tại sản phẩm) tại thời điểm 30/06/2001.
6. Danh sách các hợp đồng lớn thực hiện năm 2001.

Nông Nai, ngày 24 tháng 09 năm 2001

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH KẼ BIÊN HOÀ
Chi nhánh Hội Nông Quan Trò

PHẠM THỜ SUM

Các thành viên Hội Nông Quan Trò

Hoàng Thời Vinh

Trần Văn Lịch

Phan Văn Thiên

Nguyễn Văn Lộc

LeãThờ Kim Thoa

Nguyễn Xuân Trình

Ban Kiểm Soát:

Bùi Văn Lang

VõThờ Kim Khánh

Trông Văn Thanh

Kế toán trưởng

VũDuy Hưng